

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Kính gửi: Quý công ty

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai đang tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu “ **Thi công đào đất, đập đầu cọc và vận chuyên**” thuộc Công trình “Khách sạn căn hộ du lịch 1&2” Dự án Khu du lịch Nha Trang Seahorse Resort&Spa tại Lô D8A, khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức chào giá cạnh tranh, sử dụng nguồn vốn tự có, vốn vay và vốn huy động.

1. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai kính mời các nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và có điều kiện tham gia chào giá gói thầu nêu trên. Cụ thể:
2. Thông tin về báo giá và yêu cầu kỹ thuật của gói thầu được nêu trong phần quy định chung hồ sơ chào giá cạnh tranh của gói thầu này.
3. Phạm vi công việc: **Thi công đào đất, đập đầu cọc và vận chuyên.**
4. Giá chào thầu: Là toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu.
5. Hình thức hợp đồng:
 - Hình thức hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định
 - Tạm ứng hợp đồng: tạm ứng 20% giá trị hợp đồng;
 - Thu hồi tạm ứng: Thu hồi qua các đợt thanh toán giai đoạn và thu hồi hết khi đạt 80% giá trị của giá trị hợp đồng;
 - Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Tương ứng với giá trị tạm ứng của hợp đồng và có hiệu lực đến khi thu hồi hết giá trị tạm ứng;
 - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Tương đương với 10% giá trị hợp đồng, hiệu lực đến khi hoàn thành toàn bộ nội dung công việc hợp đồng;
 - Thanh toán đến 90% giá trị hoàn thành có khấu trừ giá trị tạm ứng tương ứng.
 - Khối lượng mời thầu là khối lượng tạm tính, khối lượng thanh quyết toán trên cơ sở khối lượng thực tế nhà thầu thực hiện.
6. Yêu cầu của hồ sơ chào giá: 01 bản gốc, bao gồm:
 - Hồ sơ năng lực của nhà thầu;
 - Hồ sơ kỹ thuật;
 - Đơn chào giá: theo mẫu kèm theo (có ký tên và đóng dấu đại diện pháp nhân). Hiệu lực của đơn chào giá không nhỏ hơn 90 ngày.
 - Bảng chào giá chi tiết: theo bảng khối lượng mời thầu.
7. Tiêu chí đánh giá: đánh giá dựa trên tiêu chí về tài chính.
8. Địa chỉ tiếp nhận thông tin và hồ sơ yêu cầu về chào giá của bên mời thầu:
Phòng Quản lý dự án - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai
 - Địa chỉ: Tầng 4, Tòa tháp Xuân Mai, Tô Hiệu, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội.

- Cán bộ phụ trách: Mr Lan: 0988 147 855
- Điện thoại cố định 0243.73038866 – máy lẻ 607.

9. Thời gian nhận hồ sơ yêu cầu từ 08h00 phút ngày 14/07/2023 đến 17h00 phút ngày 17/07/2023.

Thời gian nộp hồ sơ chào giá cạnh tranh của nhà thầu là: Trước 12h00 phút ngày 21/07/2023.

10. Tất cả những thắc mắc của Quý Công ty xin gửi đến email: lannt@xuanmaicorp.vn, muộn nhất trước thời hạn nộp thầu hai (02) ngày.

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai rất mong nhận được sự tham gia của Quý Công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Tổ đấu thầu;
- Lưu QLXD.



K/T. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Trung Thắng

THÔNG TIN DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

I. THÔNG TIN DỰ ÁN

- Dự án: Dự án Khu du lịch Nha Trang Seahorse Resort&Spa.
- Công trình: Khách sạn căn hộ du lịch 1&2.
- Cấp công trình: Công trình dân dụng cấp I.
- Địa điểm xây dựng: tại Lô D8A, khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư du lịch Hồng Ngọc Việt.
- Nhà thầu chính: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai.
- Quy mô công trình: Gồm 2 khối Khách sạn căn hộ du lịch 1&2.
 - + Tầng hầm: 02 tầng hầm.
 - + Tầng nổi: 15 tầng nổi.

II. THÔNG TIN GÓI THẦU

1. Tên gói thầu: Thi công đào đất, đập đầu cọc và vận chuyển.

2. Phạm vi gói thầu bao gồm:

- Đào đất, xúc đất, vận chuyển đất tầng hầm theo bản vẽ biện pháp thi công được duyệt gắn kèm thư mời thầu này.
- Đập bê tông đầu cọc khoan nhồi đến cao độ cắt cọc theo thiết kế, xúc và vận chuyển bê tông cọc khoan nhồi đã đập.
- Giá bao gồm tất cả các chi phí cần thiết liên quan để bên B hoàn thành công việc như chi phí vật tư, nhân công (gồm cả tiền bảo hiểm xã hội, y tế, thuế thu nhập), máy móc, thiết bị thi công, chi phí bãi thải, chi phí an ninh, trật tự chung khu vực thi công dự án suốt thời gian thi công, chi phí vệ sinh môi trường với phần việc bên B thực hiện, chi phí công trường, điện, nước, chi phí bảo vệ máy móc, thiết bị, vật tư, tài sản của bên chào thầu, chi phí vệ sinh máy móc, thiết bị, xe vận chuyển trước khi ra vào công trường tránh rơi vãi bùn đất chi phí vận chuyển, quản lý, tài chính, lợi nhuận của Bên B, các loại thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam, phí bảo hiểm đối với các bảo hiểm mà Bên B có nghĩa vụ phải mua theo pháp luật Việt Nam, và các khoản phí khác để Bên B hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu của bên mời thầu.

3. Khối lượng mời thầu tạm tính như sau:

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng mời thầu
I	TÒA KHÁCH SẠN CĂN HỘ DU LỊCH 1		
1	Đào đất hố móng bằng máy	m ³	31.484
2	Đắp đất công trình (tận dụng đất đào để đắp lại)	m ³	16.328
3	Vận chuyển đất hố móng bằng ô tô tự do (Tập kết trong phạm vi dự án với cự ly <=500m)	m ³	15.156
4	Phá cắt đầu cọc khoan nhồi các loại	m ³	119,32

5	Vận chuyển bê tông đầu cọc khoan nhồi (Tập kết trong phạm vi dự án với cự ly <=500m)	m3	119,32
II TÒA KHÁCH SẠN CĂN HỘ DU LỊCH 2			
1	Đào đất hố móng bằng máy	m3	31.485
2	Đắp đất công trình (tận dụng đất đào để đắp lại)	m3	16.328
3	Vận chuyển đất hố móng bằng ô tô tự đổ (Tập kết trong phạm vi dự án với cự ly <=500m)	m3	15.156
4	Phá cắt đầu cọc khoan nhồi các loại	m3	117,65
5	Vận chuyển bê tông đầu cọc khoan nhồi (Tập kết trong phạm vi dự án với cự ly <=500m)	m3	117,65

Ghi chú:

Nhà thầu chào giá thực hiện theo 2 phương án:

+ Phương án 1: Vận chuyển đất đổ trong phạm vi dự án như bảng trên.

+ Phương án 2: Vận chuyển đất đổ thải ra khỏi dự án (Yêu cầu có pháp lý đổ thải đầy đủ theo đúng quy định hiện hành).

Khối lượng mời chào giá là khối lượng tạm tính. Khối lượng nghiệm thu thanh toán quyết toán theo khối lượng thực tế thực hiện, được tính theo nguyên tắc như sau:

- + Khối lượng đào, xúc, vận chuyển đất được tính cho 1m³ đất các loại. Phương pháp xác định khối lượng đất đào, xúc, vận chuyển thực tế được tính bằng: chiều dài x chiều rộng x chiều cao (trong đó không có hệ số tơi xốp, không xác định cấp đất).
- + Khối lượng đập bê tông, xúc, vận chuyển bê tông của đầu cọc khoan nhồi, sau khi đập được tính bằng thể tích hình học của đoạn đã đập (trong đó không có hệ số nở rời).
- + Khối lượng vận chuyển đất được tính cho 1m³ đất các loại, được xác định theo thể tích đất đào trừ đi đất giữ lại để đắp (nếu có).

4. Thời gian thi công: Dự kiến bắt đầu thi công từ ngày 28/7/2023 và thực hiện trong 24 ngày, không kể thời gian dừng chờ giữa các phân đoạn thi công theo biện pháp thi công của bên mời thầu.

III. ĐIỀU KIỆN CHÀO GIÁ, NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Sử dụng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. HSCG được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực, kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về năng lực, kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt”.

1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực:

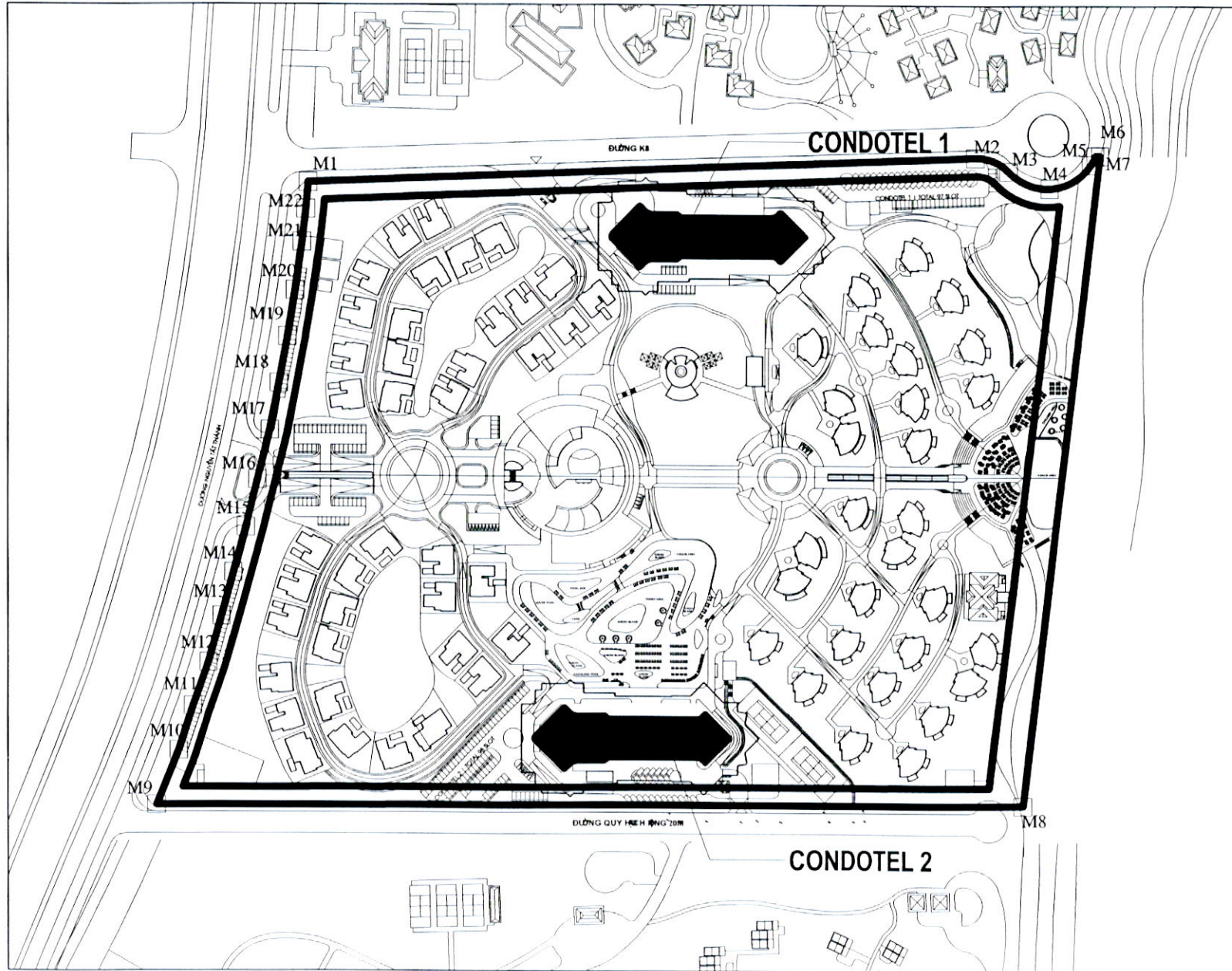
TT	Nội dung	Yêu cầu tối thiểu
1	Năng lực kinh nghiệm:	
1.1	Số năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Đào đất, đập đầu cọc khoan nhồi và vận chuyển (tính đến tháng 06/2023). Bản sao có công chứng các tài liệu pháp lý: Giấy đăng ký kinh doanh	3 năm
1.2	Số lượng hợp đồng Đào đất, đập đầu cọc khoan nhồi và vận chuyển với giá trị hợp đồng không thấp hơn 1 tỷ đồng và biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hợp đồng (bản sao công chứng) tính đến thời điểm tháng 06/2023.	03 hợp đồng
2	Năng lực kỹ thuật	
2.1	Số lượng cán bộ có bằng cấp, chứng chỉ hành nghề phù hợp (có hợp đồng lao động còn thời hạn, có bằng cấp, chứng chỉ phù hợp)	05 người
2.2	Số lượng máy móc thiết bị mà nhà thầu huy động để thực hiện gói thầu nhằm đảm bảo tiến độ đề ra.	Có danh sách
3	Năng lực tài chính trong thời gian 02 năm gần đây	
3.1	Nhà thầu hoạt động không bị thua lỗ trong mỗi năm. Có bảng quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm gần nhất, tờ khai thuế giá trị gia tăng năm 2023 (xác nhận của cơ quan thuế đã nộp) và biên bản quyết toán thuế năm gần nhất	Lợi nhuận >0 VNĐ
3.2	Doanh thu lĩnh vực Đào đất, đập đầu cọc khoan nhồi và vận chuyển các năm 2021, 2022.	> 5 tỷ VNĐ/năm
	Kết luận	
	Nhà thầu đáp ứng được tất cả các tiêu chí trên	Đạt
	Nhà thầu không đáp ứng được một trong các tiêu chí trên	Không đạt

**Ghi chú: Đối với nhà thầu đã từng thi công các Dự án của Bên mời thầu thì coi như đã đáp ứng được các tiêu chí về năng lực kinh nghiệm.*

2. Yêu cầu về tiến độ thi công

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Thời gian thực hiện	Theo tiến độ chi tiết trong thư mời thầu	> tiến độ chi tiết trong thư mời thầu
2	Tiến độ thi công chi tiết	Có tiến độ thi công chi tiết	Không có tiến độ thi công chi tiết
Kết luận		Đạt tất cả 2 nội dung trên	Không đạt 1 trong 2 nội dung trên
		Đạt	Không đạt

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH



HỒ SƠ THI CÔNG

DỰ ÁN:
**KHU DU LỊCH NHA TRANG
 SEAHORSE RESORT & SPA**
 CÔNG TRÌNH:
CONDOTEL 1 & CONDOTEL 2

CHỦ ĐẦU TƯ:

TVGS:

ĐƠN VỊ THI CÔNG:
**CÔNG TY CP BẢO TỬ VÀ XÂY DỰNG
 XUÂN MAI**



ĐỊA CHỈ:
ĐƯỜNG SỐ 10, KHU 10, PHƯỜNG HOÀNG SA, QUẬN HOÀNG SA, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ:

PHÒNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ:

PHÒNG HẠ:

BAN CHẾ BIẾN:

NGƯỜI LẬP:

HỒ SƠ THIẾT KẾ:
BIỆN PHÁP THI CÔNG

HẠNG MỤC:

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

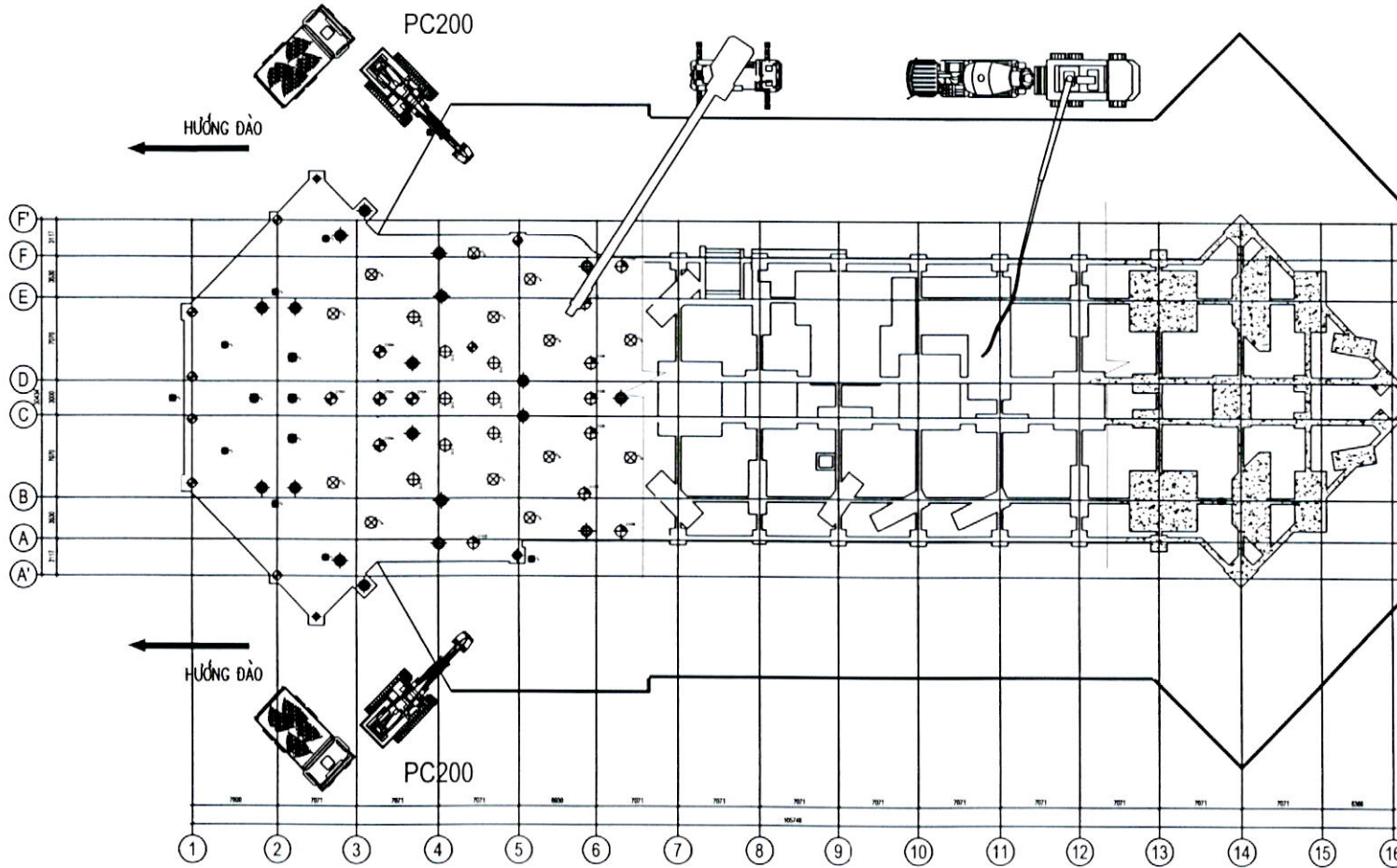
THẺ / SCALE: VERSION: HOÀN THÀNH / ISSUE DATE:

... 0 04/2023

MÃ DỰ ÁN / PROJECT CODE: SỐ HẸM BẢN VẼ / DRAWING NO:

BPTC-...

MẶT BẰNG THI CÔNG KẾT CẤU PHẦN NGẦM



TRÌNH TỰ THI CÔNG:

- ĐÀO ĐẤT, CẮT ĐẾN CAO ĐỘ ĐÁY ĐÀM, THI CÔNG ĐẬP ĐẦU CỌC CỤ, MỎ
- THI CÔNG KẾT CẤU DÂY ĐẾN CỘT ĐÁY CƯỜNG
- SAN LẤP CÁT TẦM DUNG ĐẾN CỘT ĐÁY CƯỜNG VÀ ĐỔ BÊ TÔNG LÓT CƯỜNG
- THI CÔNG KẾT CẤU CƯỜNG ĐẾN CỘT ĐÁY SÀN HẦM
- SAN LẤP CÁT TẦM DUNG ĐẾN CỘT ĐÁY SÀN HẦM
- THI CÔNG CHỐNG THẤM VÀ KẾT CẤU SÀN HẦM
- THI CÔNG KẾT CẤU CỘT, VÁCH VÀ TƯỜNG TẦNG HẦM
- THI CÔNG KẾT CẤU ĐÁM SÀN TẦNG 1
- THI CÔNG CHỐNG THẤM TƯỜNG HẦM VÀ SAN LẤP MẶT BẰNG
- THI CÔNG KẾT CẤU MÔNG CẦU VÀ LẤP ĐẶT CẦU THÁP
- BÀN GIAO CHUYÊN BƯỚC THI CÔNG KẾT CẤU THÂN

HỒ SƠ THI CÔNG

DỰ ÁN:
KHU DU LỊCH NHA TRANG
SEAHORSE RESORT & SPA
 CÔNG TRÌNH:
CODOTEL 1 & CODOTEL 2

CHỦ ĐẦU TƯ:

TVGS:

ĐƠN VỊ THI CÔNG:
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
XUÂN MAI



ĐỊA CHỈ:
 Số 1, Khu phố Cổ Đông, Phường Cổ Đông,
 Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

QUYẾT:

PHÒNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ:

PHÒNG HSE:

BAN CHẾ BẢN:

NGƯỜI LẬP:

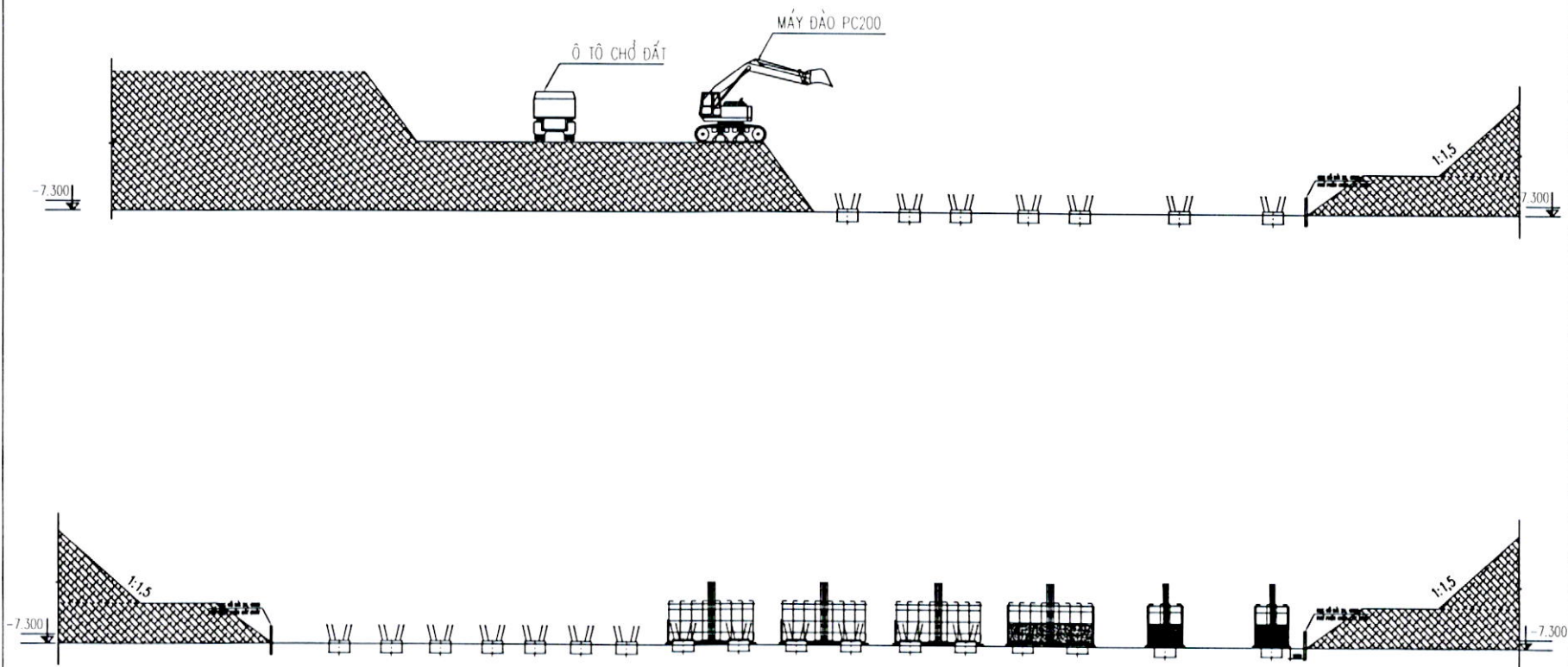
HỒ SƠ THIẾT KẾ:
BIỆN PHÁP THI CÔNG

HẠNG MỤC:

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

THẺ KẾ:	VERSION:	HOÀN THÀNH / ISSUE DATE:
...	0	04/2023
MÃ DỰ ÁN / PROJECT CODE:	SỐ HẸN BẢN VẼ / DRAWING NO:	
	BPTC-...	

MẶT CẮT THI CÔNG PHẦN MÓNG



GHI CHÚ:

- ĐÀO AO TOÀN BỘ BÊN CẠM ĐÂY DÀI -7.300M, THI CÔNG TỰ TỤ TỪ CẦU KIẾN DÀI GIẢNG VÀ SAN LẤP THI CÔNG CÁC CẤU KIỆN PHIA TRÊN
- PHẦN MÓNG ĐƯỢC THI CÔNG CHUẨN CHIEU THEO ĐỊNH HƯỚNG THI CÔNG
- ĐÀO ĐẤT BẰNG MÁY XÚC PC200 KẾT HỢP SỬA THỦ CÔNG, VẬN CHUYỂN ĐẤT BẰNG XE Ô TÔ TỰ DỖ

HỒ SƠ THI CÔNG

DỰ ÁN:
**KHU DU LỊCH NHA TRANG
 SEAHORSE RESORT & SPA**
 CÔNG TRÌNH:
CONDOTEL 1 & CONDOTEL 2

CHỦ ĐẦU TƯ:

TVGS:

ĐƠN VỊ THI CÔNG:
**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
 XUÂN MAI**



ĐỊA CHỈ:
ĐƯỜNG 11/11 KHU PHÂN LẬP KHU DƯ LỊCH NHA TRANG
 PHƯỜNG CÁI LẬP, QUẬN NHƠN TRÍ

ĐƠN VỊ:

PHÒNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ:

PHÒNG HSE:

BẢN CHẾ HUY:

NGƯỜI LẬP:

HỒ SƠ THIẾT KẾ:
BIỆN PHÁP THI CÔNG

HẠNG MỤC:

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

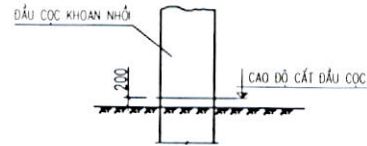
TỶ LỆ / SCALE: ...
 VERSION: **0**
 HOÀN THÀNH / ISSUE DATE: **04/2023**

MÃ DỰ ÁN / PROJECT CODE: ...
 SỐ HẸM BẢN VẼ / DRAWING NO: **BPTC-...**

BIỆN PHÁP THI CÔNG ĐẬP ĐẦU CỌC KHOAN NHỎ

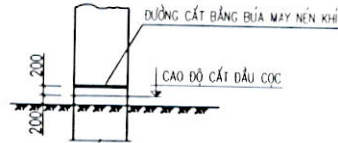
BƯỚC 1:

ĐÁNH DẤU CAO ĐỘ THIẾT KẾ SẼ CẮT BỎ ĐẦU CỌC



BƯỚC 2:

ĐÁNH DẤU CAO ĐỘ CỦA ĐƯỜNG CẮT CỌC BẰNG HỮA NÉN KHÍ PHÁ MỘT VÒNG TRON XUNG QUANH CHU VI ĐẦU CỌC



BƯỚC 3:

ĐỤC TẦM XUNG QUANH CHO THÉP CỌC KHOAN NHỎ NHỎ RA



BƯỚC 4:

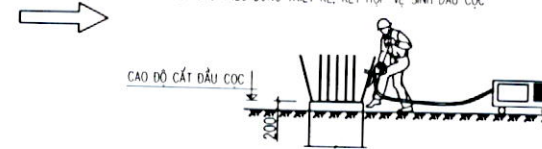
PHẦN ĐẦU CỌC CÁN ĐỤC BỎ



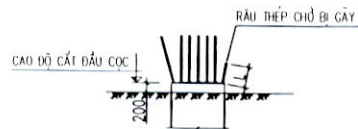
DÙNG MÁY ĐÀO LẮC ĐỔ PHẦN ĐẦU CỌC CÁN ĐẬP BỎ
DÙNG MÁY ĐÀO CHUYỂN LÊN XE Ô TÔ ĐỂ VẬN CHUYỂN

BƯỚC 5:

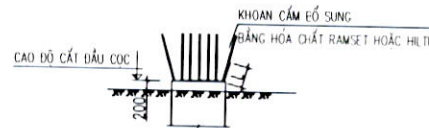
DÙNG HỮA MÁY NÉN KHÍ ĐỤC TẦY 20 CM CÒN LẠI CỦA ĐẦU CỌC KẾT HỢP MÁY ĐỤC BÊ TÔNG CẦM TAY VÀ DỤNG CỤ THỦ CÔNG NẮN THÉP CHỜ THEO ĐÚNG THIẾT KẾ, KẾT HỢP VỆ SINH ĐẦU CỌC



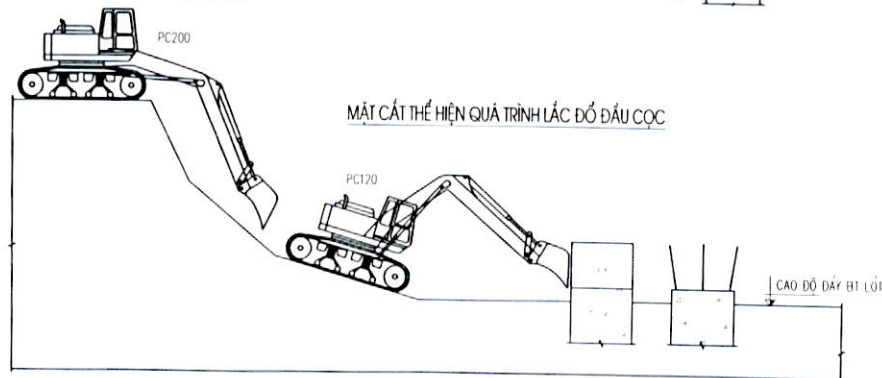
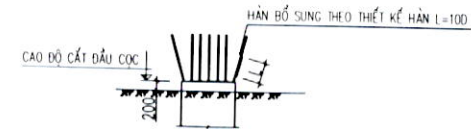
RÀU THÉP CHỜ BỊ GÂY KHÍ NẮN



BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHÍ L < 100



BIỆN PHÁP XỬ LÝ L >= 100



GHI CHÚ:

- TIẾN HÀNH ĐÀO TỚI ĐẦU THÌ ĐẬP ĐẦU CỌC VÀ LẮC ĐỔ ĐẦU CỌC TỚI ĐÓ TIẾN HÀNH HỨC ĐỔ ĐẦU CỌC BẰNG MÁY ĐÀO
- CHIỀU DÀI RÀU THÉP LIÊN KẾT VÀO ĐÀM MÓNG THEO BẢN VẼ THIẾT KẾ

HỒ SƠ THI CÔNG

DỰ ÁN:
**KHU DU LỊCH NHA TRANG
SEAHORSE RESORT & SPA**
CÔNG TRÌNH:
CODOTEL 1 & CODOTEL 2

CHỦ ĐẦU TƯ:

TVGS:

ĐƠN VỊ THI CÔNG:
**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
XUÂN MAI**



ĐƠN CHẾ:
TRẦN L. KHANG - CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG
PHƯƠNG TIỆN LẮC ĐỔ VÀ HỒM MÀO

DUYỆT:

PHÒNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ:

PHÒNG HSE:

BẢN CHẾ HUỖ:

NGƯỜI LẬP:

HỒ SƠ THIẾT KẾ:
BIỆN PHÁP THI CÔNG

HẠNG MỤC:

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

THẺ SCALE:	VERSION:	HOÀN THÀNH ISSUE DATE:
...	0	04/2023
MÃ DỰ ÁN / PROJECT CODE:	SỐ HẸM BẢN VẼ / DRAWING NO:	
	BPTC-...	

BIỂU MẪU

Mẫu số 1

ĐƠN CHÀO GIÁ

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên bên mời thầu*]
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh số ____ [*Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ*] cùng với biểu giá kèm theo, thi công trong thời gian ____ [*Ghi tổng thời gian để thi công hoàn thành gói thầu*].

Nếu hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá*].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu trúng thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án] do ____ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[-Ký đơn chào giá;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSCG;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào giá. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá cạnh tranh.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm _____

Kính gửi: _____ (Ghi tên Bên nhận bảo lãnh)

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong hợp đồng,..... (Ghi tên hợp đồng, số hợp đồng) giữa Công ty CP Đầu tư và xây dựng Xuân Mai – là Bên nhận Bảo lãnh và - là Bên được bảo lãnh phải nộp cho Bên nhận lãnh một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Bên được bảo lãnh sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng(Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng) cho việc thực hiện hợp đồng ;

Chúng tôi,.....(Ghi tên của ngân hàng) có trụ sở đăng ký tại(Ghi địa chỉ số điện thoại, số fax, e-mail của ngân hàng), theo yêu cầu của Bên nhận bảo lãnh, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang, không yêu cầu nhà thầu phải chấp thuận, và không trì hoãn với bất kỳ lý do nào khác, thanh toán ngay cho Bên nhận bảo lãnh khi có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá(Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng).

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Bên được bảo lãnh và Bên nhận bảo lãnh sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Bên nhận bảo lãnh thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều ... của Hợp đồng sau khi Bên được bảo lãnh xuất trình văn bản xác nhận của Bên nhận bảo lãnh về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Bên được bảo lãnh nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho tới ngày tháng năm hoặc khi Bên nhận bảo lãnh thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo điều kiện nào đến sớm hơn.

Trước 15 ngày hết thời hạn hiệu của Bảo lãnh này mà Bên nhận bảo lãnh chưa thu hồi tiền tạm ứng của Bên được bảo lãnh thì Ngân hàng sẽ tự động trả lại số tiền chưa thu hồi hết cho Bên nhận bảo lãnh (Hoặc gia hạn ngay thời hạn hiệu lực của bảo lãnh này cho đến khi Bên nhận bảo lãnh thu hồi hết tiền tạm ứng với mỗi lần gia hạn là 01 tháng)

Thư bảo lãnh này được lập thành 01 bản duy nhất không có giá trị chuyển nhượng. Mọi yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đều phải xuất trình bản gốc của Thư bảo lãnh này, và nội dung của nó được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết./.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Số:

Kính gửi :.....

Địa chỉ: (ghi tên, địa chỉ đăng ký của Bên nhận bảo lãnh)

Căn cứ các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng(ghi tên hợp đồng) số..... ngày/...../.....(sau đây gọi là “Hợp đồng”) giữa(ghi tên Bên nhận bảo lãnh) (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”) và khách hàng của chúng tôi là (ghi tên đăng ký của Bên được bảo lãnh) (sau đây gọi là “Nhà thầu”).

Theo đề nghị của Nhà thầu, Chúng tôi - Ngân hàng(ghi tên Ngân hàng) có trụ sở đăng ký tại:.....(sau đây gọi là “Ngân hàng”) đồng ý cấp cho Nhà thầu Thư bảo lãnh này và cam kết thanh toán vô điều kiện không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước sẽ trả cho Chủ đầu tư một khoản tiền tối đa là: (ghi số tiền bảo lãnh) bằng chữ:..... sau khi nhận được:

(i) Yêu cầu đòi tiền đầu tiên bằng văn bản của Chủ đầu tư (do người đại diện có thẩm quyền ký) ghi rõ nghĩa vụ mà Nhà thầu đã không thực hiện đúng theo quy định trong Hợp đồng;

(ii) Bản gốc Thư bảo lãnh này;

Trách nhiệm của Chúng tôi theo Thư bảo lãnh này chỉ giới hạn tối đa trong số tiền (ghi số tiền bảo lãnh) và trách nhiệm này sẽ giảm dần tương ứng với trách nhiệm Nhà thầu đã thực hiện và bảo lãnh Ngân hàng đã được thực hiện (nếu có).

Thư bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày/...../..... đến hết ngày/...../..... (... ngày kể từ ngày phát hành) và/hoặc đến khi Nhà thầu bàn giao, đưa vào sử dụng, tùy theo điều kiện nào đến sau.

Mọi yêu cầu thanh toán của Chủ đầu tư liên quan đến Thư bảo lãnh này phải được gửi đến trụ sở của Ngân hàng trong thời gian Thư bảo lãnh còn hiệu lực và trong thời gian làm việc của Ngân hàng.

Thư bảo lãnh này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra Toà án có thẩm quyền để giải quyết.

Thư bảo lãnh này được lập thành 01 bản duy nhất và không có giá trị chuyển nhượng. Mọi yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phải xuất trình được bản gốc Thư bảo lãnh này.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU HỢP ĐỒNG KÈM THEO THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Mẫu hợp đồng HĐTP-01

Hà Nội, ngày tháng năm 20

HỢP ĐỒNG THI CÔNG

Số: /20... /HĐTC/XMC-.....

PHẦN VIỆC :
CÔNG TRÌNH :
DỰ ÁN :
ĐỊA ĐIỂM :

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Và

CÔNG TY

A- THÔNG TIN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

I. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực ngày 01/1/2017.
- Luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/6/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Vệ quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 03 năm 2016 của Bộ xây dựng hướng dẫn Hợp đồng thi công xây dựng công trình;
- (tùy từng hợp đồng);
- Năng lực và nhu cầu của các bên.

(chú ý thời hạn hiệu lực của các văn bản lấy làm căn cứ)

II. THÀNH PHẦN:

Hôm nay, ngày tháng năm 20 , tại..... chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1/ BÊN A: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

- Đại diện : Chức vụ:
- (Đại diện theo uỷ quyền.....)
- Địa chỉ : Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, P.Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội
- Điện thoại : 024 7303 8866 Fax: 024 7307 8866
- Tài khoản :
- Mã số thuế : 0500443916

2/ BÊN B: CÔNG TY

- Đại diện : Ông Chức vụ:
- (Đại diện theo uỷ quyền.....)
- Địa chỉ :
- Điện thoại : Fax:
- Tài khoản :
- Mã số thuế :

Hai bên thống nhất ký thoả thuận hợp đồng này với điều khoản và điều kiện được quy định như sau :

A. THÔNG TIN HỢP ĐỒNG:

Dự án	
Chủ đầu tư	
Địa điểm	
Công việc	
Loại hợp đồng	

B. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ THỜI HẠN BẢO HÀNH:

Thời gian thực hiện:	... ngày
Ngày bắt đầu:	
Ngày hoàn thành:	
Thời hạn bảo hành:	24 tháng

C. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG:

Giá trị hợp đồng chưa thuế:	
Thuế VAT 10%	
Giá trị hợp đồng gồm thuế:	
<i>Bằng chữ:</i>	

D. ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN:

Phương thức thanh toán:	Chuyển khoản.	
Tiền tệ áp dụng:	Tiền Việt Nam (VNĐ)	
Tạm ứng:	<input checked="" type="checkbox"/> Tỷ lệ ...%	<input type="checkbox"/> Không thực hiện
Tiền giữ lại:	<input checked="" type="checkbox"/> Tỷ lệ ...%	<input type="checkbox"/> Không giữ lại
Thanh toán khối lượng hoàn thành:	<input checked="" type="checkbox"/> Thanh toán đến ...%.	<input type="checkbox"/> Không thực hiện
Các mốc thanh toán		

E. BẢO LÃNH:

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	<input checked="" type="checkbox"/> Tỷ lệ ...%	<input type="checkbox"/> Không thực hiện
Bảo lãnh tạm ứng	<input checked="" type="checkbox"/> Tỷ lệ ...%	<input type="checkbox"/> Không thực hiện
Bảo lãnh bảo hành	<input checked="" type="checkbox"/> Tỷ lệ ...%	<input type="checkbox"/> Không thực hiện

B- BẢNG CÁC ĐIỀU KIỆN CHI TIẾT CỦA HỢP ĐỒNG:

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	THAM CHIẾU ĐKC	NỘI DUNG BỔ SUNG
1	Phạm vi công việc của hợp đồng	Điều 3	<p>Bên B sẽ thực hiện công việc và sẽ sửa chữa mọi sai sót thuộc trách nhiệm của mình phù hợp với hồ sơ thiết kế và đáp ứng được yêu cầu của Bên A một cách hợp lý, với mục đích cuối cùng là cung cấp cho Bên A sản phẩm hoàn chỉnh, an toàn và hiệu quả, cụ thể như sau:</p> <p>-</p>
2	Yêu cầu về chất lượng và quy cách kỹ thuật	Điều 3	<p>[Hợp đồng hoàn thiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gạch xây phải đạt tiêu chuẩn theo thiết kế, bề mặt nhẵn, phẳng, không cong vênh (Theo tiêu chuẩn đang áp dụng hiện hành). - <p>[Hợp đồng cửa gỗ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước cửa gỗ, kích thước khuôn cửa trong phụ lục hợp đồng là kích thước xây thô. Kích thước thực tế để sản xuất, gia công và lắp đặt theo kích thước hoàn thiện thực tế bên B trình và được BDH bên A kiểm tra, phê duyệt.] <p>[Hợp đồng cửa chống cháy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước cửa chống cháy trong “Bảng giá trị hợp đồng” là kích thước xây thô. Kích thước thực tế để sản xuất, gia công và lắp đặt theo kích thước hoàn thiện thực tế bên B trình và được BDH bên A kiểm tra, phê duyệt. - Tất cả các cửa cửa chống cháy, cửa thép, cửa kỹ thuật yêu cầu có chứng nhận kiểm định PCCC của cục PCCC cấp cho công trình.] <p>[Hợp đồng tủ bếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ Tủ bếp: <ul style="list-style-type: none"> + Cánh gỗ: + Thùng tủ: + Hậu tủ: + Bàn lễ: - Kích thước Tủ bếp trong phụ lục hợp đồng là kích

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	THAM CHIẾU ĐKC	NỘI DUNG BỔ SUNG
			<p>thước xây thô. Kích thước thực tế để sản xuất, gia công và lắp đặt theo kích thước hoàn thiện thực tế bên B trình và được BDH bên A kiểm tra, phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chi tiết liên kết khi tủ treo trên tường đảm bảo tải trọng tối thiểu 50kg/1md (Không bao gồm tải trọng bản thân tủ.) <p>[Hợp đồng nhôm kính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước Cửa sổ nhôm kính, cửa vách nhôm kính, vách kính, vách kính tấm trong Đính kèm 01 là kích thước xây thô. Kích thước thực tế để sản xuất, gia công, lắp đặt và thanh quyết toán theo kích thước hoàn thiện thực tế bên B trình và được BDH bên A kiểm tra, phê duyệt.] <p>[Hợp đồng thi công hệ thống xử lý nước thải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống xử lý nước thải ra phải đáp ứng quy chuẩn Việt Nam 14:2008/BTNMT cột B.] - Chi tiết các yêu cầu kỹ thuật được quy định tại “Đính kèm 02: Quy định chi tiết về vật liệu” gắn kèm Hợp đồng này.
3	Giá trị của hợp đồng	Điều 4	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị của hợp đồng được quy định cụ thể, chi tiết tại Bảng Đính kèm 01- Bảng giá trị hợp đồng gắn kèm Hợp đồng này. Đơn giá cho các đầu việc là không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện của hợp đồng. <p>[Hợp đồng thi công cọc khoan nhồi, tường vây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn giá Hợp đồng không bao gồm vật tư chính là: bê tông, thép, ống siêu âm, ống khoan lõi, phụ kiện như măng sông, nắp bịt, đai bo đầu cọc thí nghiệm và các chi phí thí nghiệm kiểm tra chất lượng cọc khoan nhồi, tường vây (theo phạm vi công việc của hồ sơ mời thầu). - Đơn giá Hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí để thực hiện các công việc đã thỏa thuận trong Hợp đồng: toàn bộ chi phí vật tư phụ (con kê bê tông, thép buộc, que hàn, bentonite, ...) nhân công, máy, biện pháp thi công, an toàn, lấp đất (cát) tận dụng vào hố

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	THAM CHIẾU ĐKC	NỘI DUNG BỔ SUNG
			<p>cọc, các công trình phụ trợ khác phục vụ thi công, điện nước phục vụ thi công và vận chuyển bùn đất, tôn kê chống lún; chi phí vệ sinh và bảo vệ môi trường trong phạm vi phần việc Bên B thực hiện, các chi phí khác...;phí, lợi nhuận và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo đúng qui định của pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hao hụt vật tư chính: Phần trăm hao hụt vật tư chính: <ul style="list-style-type: none"> + Bê tông: 5% (năm phần trăm); + Thép: 2% (hai phần trăm); + Ống siêu âm: 0,5% (không phải năm phần trăm), bao gồm cả cút nối, măng sông, nắp bịt.]
4	Nghiệm thu khối lượng	Điều 4	<p>[Hợp đồng thi công cừ, văng chống:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thi công cừ <ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng thanh toán đối với việc thi công ép, rút cừ được tính theo chiều dài thực tế của cây cừ được hai bên kiểm tra và xác nhận biên bản nghiệm thu trước khi cho bên B thi công. Do cấu tạo của máy ép cừ, phần cừ dương so với mặt đất tự nhiên vẫn được tính vào khối lượng thi công. - Giá trị thi công được xác định bằng (=) khối lượng thi công ép (nhỏ) cừ (x) đơn giá thi công ép (nhỏ) cừ. <ul style="list-style-type: none"> • Thuê cừ: <ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng thuê cừ được tính theo chiều dài thực tế của cây cừ (Kèm theo biên bản nghiệm thu). - Thời gian thuê cừ tính từ khi cây cừ được chuyên đến công trường (khối lượng các đợt chuyên cừ đến công trường theo yêu cầu của Bên A) đến khi cây cừ được nhổ lên và bàn giao lại cho bên B tại công trình (Tính theo biên bản nhổ cừ giữa hai bên hàng ngày). Tuy nhiên, nếu xảy ra một trong các trường hợp sau đây thì trong khoảng thời gian dừng chờ Bên B không được tính chi phí thuê cừ: <ul style="list-style-type: none"> + Bên B không tiến hành ép cừ; không ép được

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	THAM CHIẾU ĐKC	NỘI DUNG BỔ SUNG
			<p>cừ hoặc ép cừ không đảm bảo tiến độ, chất lượng như đã thống nhất do lỗi Bên B (mà không phải do điều kiện mặt bằng của Bên A).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bên B không nhổ cừ theo thông báo của Bên A, trừ trường hợp không đảm bảo điều kiện rút cừ. - Thời gian thuê cừ tính đến khi cây cừ được nhổ lên tại công trình (Tính theo biên bản nhổ cừ giữa hai bên hàng ngày). - Tuy nhiên, nếu xảy ra một trong các trường hợp sau đây thì trong khoảng thời gian dừng chờ Bên B không được tính chi phí thuê cừ: <ul style="list-style-type: none"> + Bên B không tiến hành ép cừ; không ép được cừ hoặc ép cừ không đảm bảo tiến độ, chất lượng như đã thống nhất do lỗi Bên B (mà không phải do điều kiện mặt bằng của Bên A). + Bên B không nhổ cừ theo thông báo của Bên A, trừ trường hợp không đảm bảo điều kiện rút cừ. - Giá trị thuê cừ được xác định bằng (=) khối lượng cừ thuê (x) đơn giá thuê cừ (x) ngày thuê cừ. <ul style="list-style-type: none"> • Thi công văng chống - Khối lượng thanh toán đối với việc thi công lắp dựng, tháo dỡ văng chống được tính bằng chiều dài thực tế của văng chống, khớp quay, chống A-H400 định hình, gôi đỡ, cùm công nhân với đơn trọng theo bazem của nhà sản xuất được hai bên kiểm tra và xác nhận biên bản nghiệm thu. <ul style="list-style-type: none"> • Thuê văng chống - Khối lượng thuê văng chống được tính theo khối lượng của văng chống (theo trọng lượng bazem của nhà sản xuất) được hai bên kiểm tra và xác nhận biên bản nghiệm thu. - Thời gian thuê văng chống được tính từ khi lắp đặt văng chống đến khi văng chống được tháo dỡ và bàn giao lại cho bên B tại công trình. Trường hợp bên B

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	THAM CHIẾU ĐKC	NỘI DUNG BỔ SUNG
			<p>không tháo dỡ văng chống theo thông báo của Bên A, trừ trường hợp không đảm bảo điều kiện tháo dỡ, thì thời gian chậm tháo dỡ văng chống sẽ không được tính vào thời gian thuê.]</p> <p>–</p>
5	Tiến độ thực hiện của hợp đồng	Điều 5	<p>– Thời gian bắt đầu tính tiến độ là ngày tất cả các điều kiện sau được đáp ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng được ký kết. + Bên B nhận được mặt bằng đủ điều kiện để thi công liên tục theo biên bản bàn giao mặt bằng được các bên ký xác nhận; <p><i>[Trường hợp nhà thầu đề nghị tính tiến độ từ khi nhận tiền tạm ứng thì:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Bên B nhận được tiền tạm ứng của hợp đồng. Tuy nhiên, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B phải cung cấp được cho Bên A hồ sơ tạm ứng hợp đồng (bao gồm bản gốc giấy bảo lãnh tạm ứng). Trường hợp quá 05 ngày nêu trên, Bên B chưa cấp được hồ sơ tạm ứng cho Bên A thì điều kiện tạm ứng không ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện của Hợp đồng.] <p><i>[Hợp đồng thi công phần ngầm:</i></p> <p>– Ngày hoàn thành thi công được tính là ngày Bên B hoàn thành đổ bê tông đợt cuối cùng của các công việc thuộc phạm vi Hợp đồng và bàn giao lại mặt bằng cos 0.00m cho bên A (ngoại trừ những công việc không thể thi công được do các vấn đề kỹ thuật hoặc do thiếu bản vẽ thi công; không bao gồm thi hạng mục thi công cầu thang bộ, ram dốt, các lỗ mở biện pháp). Thời gian bàn giao mặt bằng phụ trợ trong vòng 03 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng cos 0.00m. Thời gian bàn giao mặt bằng tầng hầm trong vòng 30 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng cos 0.00m.]</p>

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	THAM CHIẾU ĐKC	NỘI DUNG BỔ SUNG
6	Điều kiện nghiệm thu	Điều 6	<p>[Hợp đồng thi công cọc khoan nhồi, tường vây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng khoan cọc được tính theo khối lượng thực tế thi công được Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và Bên A duyệt để nghiệm thu cho từng cọc. Chiều dài khoan được tính từ cao độ tự nhiên đến đáy cọc sau khi thổi rửa xong. - Sai số cao độ điểm dừng đổ bê tông đầu cọc khoan nhồi cho phép tối đa: $\pm 20\text{cm}$ so với cao độ dừng đổ thiết kế. - Độ phình tường vây cho phép vượt so với chiều dày thiết kế: tối đa 05cm cho những vị trí phình cục bộ. Trong phạm vi này Bên B không phải chịu chi phí phá bỏ nhưng vẫn bao gồm trách nhiệm xử lý chống thấm..] -
7	Điều kiện bàn giao hạng mục	Điều 6	<p>[Hợp đồng thi công cọc khoan nhồi, tường vây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên B kết thúc công việc trong Điều 3 của Hợp đồng và sau khi có kết quả thí nghiệm siêu âm cọc khoan nhồi và tường vây đạt chất lượng theo quy định, hai bên A, B nghiệm thu, bàn giao toàn bộ phần việc bên B đã thực hiện.]
8	Phương thức thanh toán	Điều 7	
9	Bảo hành	Điều 8	<ul style="list-style-type: none"> - Bên B bảo hành phần việc đã thực hiện trong thời gian 24 tháng (kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục đưa vào sử dụng của Bên B). - Bên A giữ lại giá trị bảo hành tương ứng 5% giá trị quyết toán hợp đồng.
10	Thông báo	Điều 18	<p>Thông tin đại diện theo ủy quyền hợp pháp của mỗi bên được chấp thuận có thẩm quyền thực hiện hợp đồng này:</p> <p>Bên A: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, P.Hà</p>

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	THAM CHIẾU ĐKC	NỘI DUNG BỔ SUNG
			<p>Cầu, Hà Đông, Hà Nội</p> <p>Người đại diện:(Phó TGD phụ trách dự án).</p> <p>Email:</p> <p>Và Phòng Quản lý xây dựng</p> <p>Email: quanlyxaydung@xuanmaicorp.vn</p> <p>Bên B:</p> <p>CÔNG TY</p> <p>Địa chỉ:</p> <p>Người đại diện:(Chức vụ).</p> <p>Email:</p> <p>Và</p> <p>Email:</p>
11	Thỏa thuận khác (nếu có)		<p>Tùy từng công việc mà có những quy định riêng bổ sung vào Điều kiện chung, ví dụ:</p> <p><i>[Hợp đồng thi công cọc khoan nhồi, tường vây:</i></p> <p><u>Trách nhiệm Bên A:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp các vật tư chính (bê tông tới vị trí lỗ khoan; thép, ống siêu âm, ống khoan lõi tới bãi tập kết của bên B hoặc vị trí mà bên B thống nhất với BDH trên công trường thi công) khi có yêu cầu của Bên B. Cung cấp cho Bên B kết quả thí nghiệm, chứng chỉ, hồ sơ vật liệu của các vật tư Bên A cung cấp cho Bên B, bao gồm cả biên bản nghiệm thu vật liệu đầu vào để Bên B đưa vào hồ sơ thanh toán.]

1. Các tài liệu sau đây được xem là một bộ phận cấu thành của Hợp đồng, trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các tài liệu trong Hợp đồng thì theo thứ tự ưu tiên áp dụng giảm dần như sau:

- Bản hợp đồng này.
- Các điều kiện chi tiết của Hợp đồng.
- Các điều kiện chung của Hợp đồng.
- Bảng giá trị của Hợp đồng.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật (nếu có).
- Bảng tiến độ (nếu có).

- Phương pháp tính khối lượng Thanh toán;
 - Quyết định số 60/2018/QĐ/XMC-HĐQT ngày 16/04/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Mai về việc Ban hành quy chế xử lý vi phạm về chất lượng, tiến độ trong sản xuất, thi công công trình.
 - Quyết định số 15/2021/QĐ/XMC-HĐQT ngày 28/01/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Mai về việc Ban hành quy chế xử lý vi phạm về an toàn lao động – vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ - cứu hộ cứu nạn – bảo vệ môi trường.
2. Mọi thay đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này phải được lập thành phụ lục hợp đồng được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận trước khi thực hiện.
 3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi thanh lý Hợp đồng.
 4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI TRONG HỢP ĐỒNG:

- a) “Bên A” được hiểu là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai như đã nói đến trong phần các bên tham gia hợp đồng và những người có quyền kế thừa hợp pháp của Bên A mà không phải là bất kỳ đối tượng nào do người đó uỷ quyền;
- b) “Bên B” là Bên nhận thầu được nêu trong phần Thông tin chung của Hợp đồng và những người kế thừa hợp pháp của Bên B mà không phải là bất kỳ đối tượng nào do người đó uỷ quyền;;
- c) “Chủ đầu tư” là đơn vị được nêu trong phần Thông tin chung của Hợp đồng và những người kế thừa hợp pháp của Chủ đầu tư mà không phải là bất kỳ đối tượng nào do người đó uỷ quyền;
- d) “Tur vấn giám sát” hay “TVGS” là đơn vị được Chủ đầu tư ký Hợp đồng thuê để thực hiện giám sát chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động – vệ sinh môi trường, nghiệm thu thi công xây dựng công trình theo hợp đồng/các chỉ định của Chủ đầu tư và quy định của Pháp luật về quản lý chất lượng công trình và những người kế thừa hợp pháp của Tur vấn giám sát mà không phải là bất kỳ đối tượng nào do người đó uỷ quyền;
- e) “Công trình” hay “Dự án” là công trình nêu trong phần Thông tin chung của Hợp đồng;
- f) “Hạng mục” là Công việc của gói thầu thuộc Công trình được nêu trong phần Thông tin chung của Hợp đồng;
- g) “Ban điều hành” được hiểu là Ban điều hành dự án do Bên A thành lập. Ban điều hành chịu trách nhiệm trước Các Bên và pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường của Dự án;
- h) “Công việc” được hiểu là các công việc được Bên B thực hiện theo nội dung nêu trong Hợp đồng và các công việc phát sinh được ký bằng phụ lục Hợp đồng giữa hai Bên;
- i) “Giá trị hợp đồng” là số tiền nêu trong phần Thông tin chung của Hợp đồng, được Bên A trả cho Bên B để tiến hành thi công hoàn thành các công việc và sửa chữa mọi sai sót theo đúng quy định của Hợp đồng;
- j) “Tài liệu” bao gồm bản vẽ, tính toán, quy trình, thuyết minh kỹ thuật, dự toán, tài liệu đặt hàng, biên bản, báo cáo, kết quả thí nghiệm, mẫu thí nghiệm, mô hình, đĩa máy tính, file số liệu, sổ tay vận hành và bảo dưỡng, thư từ, văn bản do Bên B trình Bên A và các thông số đầu vào, hồ sơ tài liệu, các biên bản, thư từ, văn bản do Bên A cung cấp cho Bên B.

ĐIỀU 2. HỒ SƠ HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN:

2.1 **Hồ sơ hợp đồng:** Hồ sơ hợp đồng là những văn bản, tài liệu có ý nghĩa để hai bên căn cứ vào đó mà đối chiếu, kiểm tra việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của từng bên đồng thời là cơ sở để thanh quyết toán hợp đồng. Hồ sơ hợp đồng bao gồm:

- a) Phần Thông tin chung của hợp đồng;
- b) Bảng các điều kiện chi tiết của hợp đồng;
- c) Điều kiện chung của hợp đồng;
- d) Các Phụ lục gắn kèm hợp đồng và các phụ lục được hai bên ký kết trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- e) Các chỉ dẫn kỹ thuật, các bản vẽ thiết kế, điều kiện tham chiếu, tiến độ thực hiện, hồ sơ thanh toán, các loại biểu mẫu và các văn bản thỏa thuận liên quan khác đã được hai bên chấp thuận là một bộ phận của hợp đồng;
- f) Các tài liệu khác có liên quan được trao đổi giữa hai bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.

2.2 Thứ tự ưu tiên của các tài liệu:

- a) Những tài liệu cấu thành nên hồ sơ hợp đồng về nguyên tắc phải có sự thống nhất về nội dung và cách hiểu; song trong trường hợp ngoại lệ nếu có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất giữa các tài liệu thì các bên có trách nhiệm trao đổi để đi đến thống nhất. Trường hợp các bên không thể đi đến thống nhất thì nội dung và cách hiểu được ưu tiên áp dụng theo cách trong mục 2.2 b), c), d) dưới đây;
- b) Những tài liệu ra đời sau sẽ có giá trị bổ sung hoặc thay thế các văn bản ra đời trước cùng loại;
- c) Giữa các tài liệu trong hồ sơ hợp đồng có mâu thuẫn nhau thì ưu tiên xem xét theo thứ tự sắp xếp a, b, c, d, e trong mục 2.1;
- d) Với các tài liệu khác có liên quan nêu tại mục 2.1 e), nếu có sự mâu thuẫn thì hai bên cùng nhau thỏa thuận lựa chọn một tài liệu làm căn cứ thực hiện; trường hợp không thống nhất được thì các tài liệu có nội dung mâu thuẫn này sẽ không được coi là hồ sơ hợp đồng.

ĐIỀU 3. NỘI DUNG CÔNG VIỆC CỦA HỢP ĐỒNG.

3.1 Chi tiết phạm vi công việc được quy định tại Bảng các điều kiện chi tiết của Hợp đồng.

3.2 Yêu cầu về chất lượng và quy cách kỹ thuật

a) Chất lượng:

- Bên B bảo đảm thi công theo đúng bản vẽ thiết kế thi công được Bên A phê duyệt, tuân theo quy trình, quy phạm thi công, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong hoạt động xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành và các yêu cầu quy định trong Hợp đồng.

- Bên B phải tuân thủ đúng quy trình quản lý chất lượng do Bên A ban hành hoặc do Bên B ban hành được Bên A chấp thuận.
- b) Xuất xứ: được quy định chi tiết tại Bảng các điều kiện chi tiết của Hợp đồng.
- c) Vật tư:
- Vật tư đưa vào công trình phải có xuất xứ, nguồn gốc rõ ràng, phải đảm bảo đúng chủng loại, chất lượng quy định trong hồ sơ thiết kế thi công được duyệt, đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế và thi công; tài liệu yêu cầu kỹ thuật của Hợp đồng và phải được Bên A chấp thuận;
 - Bên B đảm bảo vật tư, thiết bị do Bên B cung cấp lắp đặt vào công trình mới 100%, có chứng chỉ xuất xưởng (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ), Packing list (đối với những vật tư phải nhập khẩu), tài liệu kiểm tra xuất xưởng do bên bán phát hành (nếu có) và các tiêu chí kỹ thuật khác được quy định trong Hợp Đồng này và theo đúng catalogue kỹ thuật của nhà sản xuất, đảm bảo tính đồng bộ khi lắp đặt. Toàn bộ thiết bị, vật tư Bên B cung cấp phải được Chủ đầu tư/Bên A nghiệm thu, phê duyệt trước khi đưa vào thi công;
 - Bất kỳ sự thay đổi/ bổ sung/ điều chỉnh chủng loại vật tư đã được quy định trong Hợp Đồng phải được sự chấp thuận đồng ý bằng văn bản có xác nhận của Ban Lãnh đạo Bên A (Người đại diện theo pháp luật của Bên A hoặc Người được ủy quyền từ Người đại diện theo pháp luật của Bên A) mới được xem là hợp lệ và được công nhận. Mọi sự thay đổi vật tư sai khác với quy định Hợp Đồng nếu chưa có sự xác nhận bằng văn bản có xác nhận của Ban Lãnh đạo Bên A (Người đại diện theo pháp luật của Bên A hoặc Người được ủy quyền từ Người đại diện theo pháp luật của Bên A) đều không được công nhận và Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm, đồng thời Nhà thầu chịu xử phạt vi phạm chất lượng (nếu có) theo quy định Hợp Đồng.
 - Tất cả các loại vật tư và phụ kiện phải được đóng gói bảo quản đảm bảo đúng quy cách chất lượng trước khi chuyển đến chân công trường.
 - Những vật tư sử dụng trong công trường không bảo đảm về chất lượng và chủng loại hoặc không có các hồ sơ chứng chỉ chất lượng đi kèm buộc phải di chuyển khỏi công trường ngay hoặc ngay khi Bên A yêu cầu;
 - Bên B phải nộp các mẫu vật tư và các thông tin cần thiết sau đây cho Bên A xem xét và chịu mọi chi phí về:
 - + Các mẫu vật tư tiêu chuẩn của nhà sản xuất và các mẫu mã khác được nêu cụ thể trong Hợp đồng, và các mẫu bổ sung do Bên A yêu cầu (nếu có).
 - + Từng mẫu phải được gắn nhãn hiệu về xuất xứ và mục đích dự kiến sử dụng cho công trình.
- d) Nhân sự do Bên A chỉ định:

- Được quyền ra vào tất cả các nơi trên công trường và các địa điểm lưu giữ nguyên vật liệu khác để kiểm tra nguyên vật liệu và máy móc phục vụ thi công của Bên B;
 - Trong quá trình Bên B sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng (ở trên công trường, hay ở nơi khác), được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu, tay nghề và kiểm tra tiến trình chế tạo thiết bị, sản xuất và gia công vật liệu;
 - Bên B tạo mọi điều kiện cho người của Bên A tiến hành các hoạt động nêu trên, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Bên B;
 - Bên B phải thông báo cho Bên A, Tư vấn giám sát của bên A hoặc Chủ đầu tư mỗi khi một công việc nào đó đã xong, trước khi được phủ lấp, hoặc không còn nhìn thấy, hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển.
- e) Bên B phải cung cấp các máy móc, trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành những kiểm định cụ thể một cách hiệu quả. Bên B phải thống nhất với các bên liên quan về thời gian, địa điểm tiến hành kiểm định cụ thể của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình khác. Nếu kiểm định cho thấy thiết bị, vật liệu hoặc tay nghề được kiểm định không phù hợp với Hợp đồng thì các chi phí cho việc thay thế sẽ do bên B chịu. Bên B phải gửi ngay cho Bên A các báo cáo có xác nhận của các bên liên quan về các cuộc kiểm định.
- f) Nếu như kết quả của cuộc kiểm tra, giám sát, đo đạc hay thử nghiệm cho thấy có những lỗi của thiết bị, vật liệu, thiết kế hoặc tay nghề không phù hợp với Hợp đồng, Bên A có thể từ chối các thiết bị, vật liệu, thiết kế hoặc nhân lực bằng cách thông báo cho Bên B. Bên B phải sửa chữa sai sót ngay lập tức và đảm bảo cho các sai sót đó được xử lý cho phù hợp với Hợp đồng. Nếu Bên A yêu cầu là thiết bị, vật liệu, thiết kế hay tay nghề cần được kiểm định lại, các cuộc kiểm định sẽ được tiến hành lại theo đúng những trình tự và điều kiện đã làm trước đó. Nếu như việc từ chối và kiểm định lại dẫn đến những chi phí thêm cho Bên A thì Bên B sẽ phải chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí này cho Bên A.
- g) Mặc dù đã có những cuộc kiểm định trước đó, Bên A, Tư vấn giám sát hoặc Chủ đầu tư vẫn có thể hướng dẫn Bên B tiến hành:
- Đưa ra khỏi công trường hoặc thay thế các thiết bị, vật liệu không phù hợp với Hợp đồng;
 - Dỡ bỏ và tiến hành lại công việc nếu không phù hợp với Hợp đồng;
 - Tiến hành gấp công việc để đảm bảo an toàn công trình hoặc do một tai nạn, sự kiện không lường trước hoặc nguyên nhân khác;

- Bên B phải tuân thủ những hướng dẫn của Bên A, Tư vấn giám sát hoặc Chủ đầu tư trong khoảng thời gian thích hợp được xác định trong chỉ dẫn hoặc phải tiến hành ngay nếu vấn đề mang tính cấp bách. Nếu Bên B không tuân theo hướng dẫn, Bên A sẽ có quyền thuê và trả chi phí cho bên khác tiến hành các công việc và Bên B sẽ phải trả toàn bộ chi phí.
- h) Trừ khi có quy định khác theo yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ phải chịu các chi phí cho:
- Các vật liệu lấy từ bên ngoài công trường;
 - Việc loại bỏ khỏi công trường các vật liệu thải từ việc phá dỡ, đào bới và các vật liệu dư thừa khác (có thể là tự nhiên hay nhân tạo) trừ trường hợp có bãi thải trên công trường như được nêu cụ thể trong Hợp đồng.
 - Các rủi ro cho Bên B trong quá trình thi công như mưa, bão, lốc, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc/và các điều kiện khách quan tương tự khác.
- 3.3 Khi bắt đầu một công việc, bên B xem như đã chấp nhận các điều kiện, bề mặt và cấu trúc xây dựng đã tồn tại của địa điểm thi công công trình, để thực hiện công việc của hợp đồng này.

ĐIỀU 4. HÌNH THỨC VÀ GIÁ TRỊ CỦA HỢP ĐỒNG:

Hình thức và giá trị của hợp đồng: được quy định tại phần Thông tin chung của Hợp đồng.

- a) Giá trị Hợp Đồng trên đã bao gồm tất cả các chi phí cần thiết liên quan bao gồm nhưng không giới hạn chi phí vật tư, nhân công (gồm cả tiền bảo hiểm xã hội, y tế, thuế thu nhập (nếu có), chi phí đào tạo, huấn luyện, hướng dẫn công việc), máy móc, thiết bị thi công, chi phí điều hành quản lý thi công, chi phí công trường, chi phí vận chuyên, các tiện ích (khí đốt, điện, nước, phí liên lạc, phí xử lý nước thải và chất thải), các loại thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam, phí bảo hiểm đối với các bảo hiểm mà Bên B có nghĩa vụ phải mua theo pháp luật Việt Nam, và các khoản phí khác để Bên B hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu của Bên A cũng như để sửa chữa các sai sót, hư hỏng theo Hợp Đồng này, và để thực hiện các nghĩa vụ khác của Bên B theo Hợp Đồng này. Bên A có quyền khấu trừ từ Giá trị Hợp Đồng các khoản thuế mà theo pháp luật Việt Nam Bên A có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thay cho Bên B.
- b) Trong quá trình thi công, nếu Bên B tự thay đổi, bổ sung biện pháp thi công thì Bên A sẽ không thanh toán thêm chi phí phát sinh do thay đổi biện pháp đó (nếu có).
- c) Đơn giá các công việc được quy định tại Bảng các điều kiện chi tiết của Hợp đồng. Đơn giá các công việc phát sinh chưa có trong Hợp đồng thì hai bên A-B thống nhất xây dựng đơn giá cho những đầu việc đó trong quá trình thực hiện và được lập thành phụ lục gắn kèm hợp đồng này;

- d) Giá trị thanh, quyết toán hợp đồng được xác định bằng khối lượng thực tế thực hiện có xác nhận của hai bên nhân với đơn giá hợp đồng và các giá trị phát sinh (nếu có).
- e) Các trường hợp thay đổi, điều chỉnh đơn giá, giá trị Hợp đồng:
- Bổ sung, điều chỉnh khối lượng, đầu mục công việc thực hiện so với hợp đồng;
 - Khi Nhà nước thay đổi chính sách thuế hoặc ban hành các chính sách mới làm thay đổi mặt bằng giá đầu tư xây dựng công trình mà trong hướng dẫn bắt buộc phải áp dụng;
 - Trường hợp bất khả kháng sẽ xác định giá trị của hợp đồng điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật.
- f) Trừ khi có quy định khác rõ ràng trong hợp đồng, Bên B phải tự chịu mọi rủi ro liên quan đến chi phí thực hiện hợp đồng và Bên B được xem như đã có tất cả các thông tin cần thiết và đã tính đến tất cả các tình huống có thể ảnh hưởng tới chi phí khi xác định giá hợp đồng;

ĐIỀU 5. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.

Tiến độ thực hiện được quy định tại phần Thông tin chung của Hợp đồng.

- 5.1. Tiến độ thi công đã bao gồm thời gian chuẩn bị công trường, ngày lễ, tết, thứ bảy và chủ nhật nhưng không bao gồm thời gian nghỉ Tết Nguyên đán (10 ngày/đợt Tết), thời gian dừng chờ không do lỗi của bên B, nếu do lỗi Bên A thì tiến độ sẽ được giảm trừ tiến độ tương ứng và thời gian dừng chờ do các điều kiện bất khả kháng gây ra. Thời gian dừng chờ này không được vượt quá 30 ngày.
- 5.2. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B có trách nhiệm trình Bên A phê duyệt bảng tiến độ thi công/ biện pháp thi công/biểu đồ nhân lực. Bên B phải tuân thủ bảng tiến độ thi công đã được Bên A phê duyệt, và báo cáo tiến độ thi công theo quy định. Tiến độ thi công chi tiết được duyệt là cơ sở để Bên A kiểm soát tiến độ thi công của Bên B và áp dụng các hình thức phạt của Hợp đồng;
- 5.3. Thời gian thi công sẽ được điều chỉnh hoặc gia hạn nếu xảy ra các trường hợp nêu tại Điều 11 của Hợp đồng; hoặc thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên A; hoặc Bên B phải dừng chờ công việc do thay đổi thiết kế theo yêu cầu của Bên A và làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công, việc điều chỉnh/gia hạn thời gian thi công phải được xác nhận bằng văn bản của Bên A.
- 5.4. Một công tác phát sinh không nhất thiết mang lại cho Bên B quyền được gia hạn thời hạn thi công. Chi tiết theo phiếu giao việc phát sinh được hai bên xác nhận;
- 5.5. Bên B sẽ không được yêu cầu bất kỳ gia hạn thời gian nào với lý do liên quan đến thời tiết. Rủi ro về thời tiết đã được bao gồm trong Kế hoạch thi công của Bên B, trừ trường hợp Bất khả kháng tại Điều 11.
- 5.6. Bên B phải có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho Bên A các nguy cơ gây chậm tiến độ trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- 5.7. Bất kỳ hành động nào của nhà chức trách mà Bên B biết được và cho rằng những hành vi đó có thể dẫn tới chậm trễ thời hạn thi công, Bên B phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A biết. Trong khả năng của mình, Bên B phải có những biện pháp hợp lý để đề đạt đến nhà chức trách có liên quan hoặc cấp trên của nhà chức trách nhằm chấm dứt những hành vi có thể gây chậm trễ do nhà chức trách;
- 5.8. Trong trường hợp Bên B không thông báo ngay (bằng văn bản hoặc email cho Bên A) trong vòng 02 ngày làm việc hoặc không có những nỗ lực nêu trên thì Bên A có quyền không chấp nhận việc chậm trễ (không coi đó là nguyên nhân được phép kéo dài thời hạn thi công);
- 5.9. Trên cơ sở biện pháp thi công/ tiến độ thi công chi tiết/ biểu đồ nhân lực do Bên B lập đã được Bên A phê duyệt, theo quyết định của Bên A và thực tế tại Công trường, Bên A có thể bàn giao mặt bằng cho Bên B theo từng phần. Việc Bên B không tuân thủ quyết định này cũng được coi là vi phạm Hợp đồng, trừ trường hợp việc bàn giao mặt bằng của Bên A làm thay đổi biện pháp thi công/tiến độ chi tiết dẫn đến thay đổi hoặc kéo dài thời gian hoàn thành Công Việc hai bên sẽ thỏa thuận và ký Phụ lục bổ sung;
- 5.10. Bên A có quyền xem xét việc đưa các nhà thầu khác vào thay thế và/hoặc bổ sung để thực hiện các công việc thi công khi Bên B không đảm bảo đúng tiến độ thi công theo các giai đoạn thi công chính theo bảng tổng tiến độ đã được Bên A phê duyệt; Bên B có trách nhiệm bồi thường cho Bên A các thiệt hại và/hoặc chi phí phát sinh do việc bổ sung và/hoặc thay thế nhà thầu khác.
- 5.11. Bên A có quyền thanh toán trực tiếp cho các đơn vị thầu phụ của Bên B thay cho Bên B trong trường hợp Bên B chậm thanh toán khối lượng hoàn thành cho các đơn vị thầu phụ này gây ảnh hưởng tới tiến độ thi công gói thầu và Bên A sẽ khấu trừ vào giá trị hoàn thành đợt tương ứng của Bên B.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KIỆN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO HẠNG MỤC:

6.1. Điều kiện nghiệm thu;

- Các công việc trong Điều 3 của Hợp đồng được thực hiện dưới sự giám sát của Ban điều hành bên A, TVGS, Chủ đầu tư và tuân theo tiêu chuẩn, quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng áp dụng cho công trình nhà ở cao cấp; Ban điều hành bên A và các bên liên quan có trách nhiệm giám sát, nghiệm thu chất lượng thi công theo đúng trình tự và thủ tục của các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng, đảm bảo chất lượng theo đúng hồ sơ được duyệt và theo quy định;
- Khi nghiệm thu, nếu không đạt yêu cầu hoặc có phần việc không đạt yêu cầu thì nhà thầu phải làm lại, sửa chữa khắc phục và tự nghiệm thu đạt trước khi mời Bên A, Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư nghiệm thu lại;
- Trách nhiệm của Bên B đối với các sai sót, tồn đọng:

- + Bảng kinh phí của mình Bên B phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng, sai sót do lỗi của mình trong thời hạn đã nêu trong Biên bản nghiệm thu yêu cầu (bao gồm cả những sai sót mà Tổng thầu và Chủ đầu tư yêu cầu).
- + Trường hợp Bên B không sửa chữa, khắc phục được các sai sót hay hư hỏng (do lỗi gia công, lắp đặt) trong thời hạn yêu cầu, Bên A tùy theo lựa chọn, có thể quyết định: Tự tiến hành phần công việc hoặc thuê Bên thứ ba sửa chữa, khắc phục và Bên B phải chịu mọi chi phí, Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa, khắc phục nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình đối với hạng mục công trình theo Hợp Đồng.
- Bên B phải ghi chép nhật ký và đảm bảo có đầy đủ tài liệu theo dõi quá trình thi công để đưa vào hồ sơ nghiệm thu và bàn giao cho Bên A theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Bên B có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu và các điều kiện cần thiết để các bên cùng tiến hành nghiệm thu công trình theo đúng tiến độ. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày hoàn thành, Bên B có trách nhiệm gửi cho Bên A văn bản đề nghị nghiệm thu toàn bộ hạng mục (công trình) để bàn giao đưa vào sử dụng. Bên A sẽ gửi thông báo về thời gian tổ chức nghiệm thu cho Bên B trong vòng 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị nghiệm thu của Bên B;
- Bên A có quyền từ chối nghiệm thu công việc hoặc bộ phận công trình tiếp theo nếu Bên B không hoàn thành các Hồ sơ nghiệm thu của các công việc hoặc bộ phận công trình đã thi công.

6.2. Điều kiện bàn giao hạng mục:

- Hạng mục chỉ được nghiệm thu chuyển giao đoạn khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo chất lượng và các tiêu chuẩn theo quy định;
- Việc nghiệm thu bàn giao hạng mục để chuyển giao đoạn được thực hiện theo đúng trình tự và thủ tục của các quy định hiện hành về Đầu tư Xây dựng;
- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên B kết thúc công việc trong Điều 3 của Hợp đồng hai bên A, B nghiệm thu, bàn giao toàn bộ phần việc bên B đã thực hiện.

ĐIỀU 7. THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN, THANH LÝ HỢP ĐỒNG

7.1 Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc/và đối trừ công nợ.

7.2 Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam.

7.3 Tạm ứng, hoàn ứng hợp đồng:

- a) Tỷ lệ tạm ứng/ giá trị tạm ứng Hợp đồng được quy định tại phần Thông tin chung của Hợp đồng.
- b) Hồ sơ tạm ứng bao gồm:
 - + Công văn đề nghị tạm ứng của bên B;
 - + Bản gốc Thư bảo lãnh tiền tạm ứng theo qui định của Hợp đồng;

- + Bản gốc Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo qui định của Hợp đồng;
 - c) Tiền tạm ứng Bên B sẽ chỉ được sử dụng đúng mục đích cho thực hiện công việc theo hợp đồng này. Trường hợp Bên B sử dụng sai mục đích số tiền tạm ứng, Bên A có quyền yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh phải hoàn trả cho Bên A toàn bộ khoản tạm ứng theo bảo lãnh tạm ứng và Bên B phải thực hiện hợp đồng mà không có khoản tạm ứng của Bên A.
 - d) Hoàn ứng Hợp đồng: Tiền tạm ứng Hợp đồng sẽ được Bên A khấu trừ vào giá trị thanh toán các đợt tiếp theo của Bên B, theo tỷ lệ tương ứng giữa giá trị khối lượng của đợt thanh toán trên tổng giá trị Hợp đồng và sẽ khấu trừ hết giá trị tạm ứng trước khi thanh toán cho Bên B đến 80% giá trị Hợp đồng.
- 7.4 Thanh toán khối lượng: Chi tiết các đợt thanh toán khối lượng được quy định tại phần Thông tin chung của Hợp đồng và/hoặc Bảng các điều kiện chi tiết của Hợp đồng.
- a) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Bên B đệ trình hồ sơ thanh toán (trình tự trình hồ sơ thanh toán: Hồ sơ chất lượng, hồ sơ sơ họa hoàn công, khối lượng thi công) (không bao gồm công văn đề nghị thanh toán và Hóa đơn giá trị gia tăng), Ban điều hành Bên A và Tư vấn giám sát có trách nhiệm kiểm tra, phản hồi nội dung Hồ sơ thanh toán của Bên B.
 - b) Quá thời gian 07 ngày làm việc nêu trên nếu các bên vẫn chưa có phản hồi thì xem như Bên A và Tư vấn giám sát đồng ý với nội dung Hồ sơ thanh toán mà Bên B đã đệ trình và phải ký xác nhận vào hồ sơ này (Để đảm bảo đẩy nhanh công tác thanh toán, Bên A đồng ý với các mốc thời gian trên, tuy nhiên sau khi Hồ sơ thanh toán được xác nhận, Bên A vẫn có quyền kiểm tra lại và sẽ thông báo cho Bên B biết phần sai lệch nếu có; giá trị phần sai lệch sẽ được đối trừ vào phần thanh toán tiếp theo).
 - c) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ thanh toán được đồng ý hoặc quá thời gian phản hồi 07 ngày làm việc nêu bên trên, Bên B sẽ cung cấp Công văn đề nghị thanh toán và Hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên A.
 - d) Thời gian đến hạn thanh toán của Bên A cho Bên B là 15 ngày làm việc từ ngày Bên B cung cấp Công văn đề nghị thanh toán; Hóa đơn giá trị gia tăng.
 - e) Bên A thanh toán cho bên B đến 90% giá trị hoàn thành các đợt thanh toán được Bên A, TVGS và CĐT nghiệm thu và khấu trừ để thu hồi các khoản sau:
 - + Khoản tiền tạm ứng hợp đồng theo nguyên tắc nêu tại điểm c khoản 7.1, điều 7;
 - + Giá trị các tiện ích do bên A cấp cho bên B để thi công (nếu có);
 - + Các khoản khấu trừ khác (nếu có).
 - f) Hồ sơ thanh toán gồm:
 - + Công văn đề nghị thanh toán của bên B
 - + Biên bản xác nhận khối lượng thanh toán hoàn thành

- + Bảng tính giá trị thanh toán hoàn thành
 - + Hồ sơ quản lý chất lượng;
 - + Bản vẽ sơ họa hoàn công cho đợt thanh toán;
 - + Hồ sơ chất lượng các hạng mục hoàn thành trong đợt thanh toán;
 - + Hoá đơn giá trị gia tăng với mức thuế suất tại thời điểm xuất hoá đơn.
 - + Đĩa CD/USB có scan lại toàn bộ hồ sơ pháp lý, hồ sơ quản lý chất lượng, bản vẽ hoàn công, biện pháp thi công (riêng các bản vẽ lưu file scan bản có dấu và file *.dwg) và các biên bản nghiệm thu hoàn thành...
- g) Bên A có quyền tạm giữ lại phần khối lượng mà Bên A cho rằng Bên B chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ phù hợp theo quy định đã thống nhất giữa hai bên.
- h) Các khối lượng phát sinh trong từng giai đoạn (nếu có) sẽ được tạm ứng/thanh toán theo các quy định nêu trên.
- 7.5 Quyết toán, thanh lý hợp đồng:
- a) Trong vòng 60 ngày sau khi Bên B hoàn thành toàn bộ công việc của Hợp đồng và hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa hạng mục công trình vào sử dụng, hoặc 15 ngày sau khi Hợp đồng chấm dứt, Bên B phải đệ trình hồ sơ quyết toán, thanh lý Hợp đồng cho Bên A. Hồ sơ quyết toán, thanh lý Hợp đồng phải được lập thành 07 bộ gốc (mỗi bộ gốc gồm 01 đĩa CD có file lưu hồ sơ và 01 bộ bản in có chữ ký, đóng dấu của Bên B); Hồ sơ lưu trong đĩa CD bao gồm: Hồ sơ chất lượng, hồ sơ vật liệu đầu vào, hồ sơ pháp lý, hồ sơ an toàn lao động, hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công, hồ sơ khối lượng và giá trị quyết toán, hồ sơ khối lượng và giá trị thanh toán từng đợt, hình ảnh nghiệm thu kèm theo biên bản nghiệm thu công việc, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng (các hồ sơ lưu này đều đã dc các bên ký, và có tính pháp lý đầy đủ).
- b) Khối lượng thi công hoàn thành và quyết toán thực tế sẽ được các bên xác nhận căn cứ theo phương pháp tính khối lượng kèm theo hợp đồng này. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên B bàn giao hồ sơ đề nghị quyết toán đầy đủ và hợp lệ theo quy định, Bên A có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận giá trị quyết toán và thông báo cho Bên B. Nếu có yêu cầu giải trình, bổ sung chứng từ, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B bằng văn bản nêu rõ các nội dung yêu cầu sửa chữa sai sót/ giải trình/ bổ sung chứng từ và Bên B có trách nhiệm phải đáp ứng trong thời hạn do Bên A ấn định. Thời gian Bên B giải trình, bổ sung chứng từ được cộng vào thời gian Bên A kiểm tra, xác nhận thanh toán cho Bên B;
- c) Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến giá trị quyết toán, trừ giá trị tiền giữ lại bảo hành công trình theo quy định mục 7.2d dưới đây và đối trừ các khoản đã thanh toán tại Điều 7.1.c, 7.1.d và các khoản khấu trừ khác (nếu có) trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày Bên A xác nhận giá trị quyết toán;
- d) Bên A sẽ giữ lại một khoản tiền để bảo hành công trình. Giá trị khoản tiền giữ lại này được quy định tại phần Thông tin chung của Hợp đồng. Bên A sẽ thanh toán

hết cho Bên B khoản tiền này trong vòng 10 ngày kể từ ngày Bên A nhận được bảo lãnh bảo hành công trình do Ngân hàng Bên B đề xuất (được Bên A chấp thuận) phát hành có giá trị bằng khoản tiền giữ lại và thời hạn tương ứng với thời gian bảo hành của bên B;

e) Hồ sơ quyết toán bao gồm:

- + Công văn đề nghị quyết toán của Bên B;
- + Biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng có đầy đủ xác nhận của các Bên;
- + Hồ sơ quản lý chất lượng (bổ sung hồ sơ chất lượng còn thiếu) (nếu có);
- + Bản vẽ hoàn công;
- + Bảng giá trị quyết toán;
- + Hóa đơn giá trị gia tăng với mức thuế suất tại thời điểm xuất hóa đơn.
- + Đĩa CD/USB có scan lại toàn bộ hồ sơ pháp lý, hồ sơ quản lý chất lượng, bản vẽ hoàn công, biện pháp thi công (riêng các bản vẽ lưu file scan bản có dấu và file *.dwg) và các biên bản nghiệm thu hoàn thành...

f) Bên B cam kết và đồng ý rằng, nếu Bên B chậm trễ nộp Hồ sơ quyết toán, thanh lý Hợp đồng quá 30 ngày so với quy định tại Hợp đồng vì bất kỳ lý do nào, không phụ thuộc Bên B đã nhận được thông báo của Bên A về việc nộp Hồ sơ quyết toán, thanh lý Hợp đồng hay chưa, Bên A có quyền thuê đơn vị có chuyên môn/kinh nghiệm lập Hồ sơ quyết toán, thanh lý Hợp đồng với chi phí do bên B chịu; hoặc tự tính toán khối lượng và giá trị quyết toán của gói thầu trên cơ sở hồ sơ nghiệm thu thực tế, bản vẽ hoàn công và các tài liệu liên quan khác mà Bên A hiện có tại thời điểm đó; quyết định và tiến hành các thủ tục, công việc cần thiết để tự thanh lý Hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên B sẽ được coi là chấp nhận hoàn toàn số liệu, giá trị quyết toán Hợp Đồng do Bên A tính toán nêu trên.

ĐIỀU 8. BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG, BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BẢO HÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

8.1 Bảo lãnh tiền tạm ứng

- Bên B phải nộp cho Bên A giấy bảo lãnh tiền tạm ứng của Ngân hàng (do Ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam theo chấp thuận của Bên A phát hành, cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang và ngay lập tức khi có yêu cầu thanh toán của Bên A) sau khi Hợp đồng được ký kết và trước khi Bên A tiến hành tạm ứng cho Bên B;
- Giá trị của giấy bảo lãnh tạm ứng bằng giá trị tạm ứng quy định trong phần Thông tin chung của Hợp đồng và thời hạn hiệu lực của giấy bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực từ khi giá trị tạm ứng được Bên A chuyển đầy đủ cho Bên B cho tới khi Bên A thu hồi hết tiền tạm ứng. Giá trị của Bảo lãnh tạm ứng sẽ được tự

động giảm trừ tương ứng với giá trị tạm ứng mà Bên B đã hoàn trả lại cho Bên A theo điều kiện Hợp đồng, thể hiện tại các Hồ sơ thanh toán được phê duyệt;

- Nếu các điều khoản của Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn mà Bên A chưa thu hồi hết tiền tạm ứng thì bên B phải chủ động thực hiện và hoàn thành việc gia hạn hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm không ít hơn 03 ngày trước ngày hết hạn hiệu lực của bảo lãnh. Nếu Bên B không thực hiện gia hạn bảo lãnh theo quy định trên thì Bên A có quyền gửi văn bản tới ngân hàng phát hành bảo lãnh yêu cầu chi trả cho Bên A số tiền tương đương giá trị bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng chưa thu hồi hết mà không cần thông báo hay xin phép Bên B.

8.2 Bảo đảm thực hiện Hợp đồng

- Bên B phải nộp cho Bên A giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng của Ngân hàng (do Ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam theo chấp thuận của Bên A phát hành, cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang và ngay lập tức khi có yêu cầu thanh toán của Bên A trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng;
- Giá trị của giấy bảo đảm với giá trị bằng 10% giá trị hợp đồng và thời hạn hiệu lực của giấy bảo đảm tới khi Bên B hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của Hợp đồng và các Bên xác nhận biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục;
- Nếu các điều khoản của Bảo đảm thực hiện Hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn, vào thời điểm 15 ngày trước ngày hết hạn mà Bên B - theo đánh giá của Bên A - là sẽ không thực hiện xong phần công việc được giao theo Hợp đồng, Bên A có quyền yêu cầu Bên B gia hạn thời hạn bảo đảm thực hiện Hợp đồng. Thời gian gia hạn tùy thuộc vào đánh giá của Bên A.
- Bên B phải chủ động thực hiện, hoàn thành việc gia hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại thời điểm không ít hơn 03 ngày trước ngày hết hạn hiệu lực của bảo lãnh nếu tại thời điểm đó Bên B chưa hoàn thành công việc hợp đồng và/hoặc chưa hoàn thành trách nhiệm/nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng; Nếu Bên B không thực hiện gia hạn bảo lãnh theo quy định trên, Bên A có quyền gửi văn bản tới ngân hàng phát hành bảo lãnh yêu cầu chi trả cho Bên A số tiền tương đương giá trị bảo lãnh thực hiện Hợp đồng mà không cần thông báo hay xin phép Bên B;

8.3 Bảo hành, bảo lãnh bảo hành hạng mục công trình

- Bên B có trách nhiệm bảo hành, thực hiện bảo hành hạng mục công trình sau khi bàn giao cho bên A. Nội dung bảo hành bao gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế các phần việc bị hư hỏng, khiếm khuyết khi công trình vận hành, sử dụng do lỗi của bên B gây ra;
- Để cho rõ ràng, trước khi hết hạn bảo hành 15 ngày, Bên B có trách nhiệm liên hệ với Bên A để thực hiện các công việc kiểm tra, xác nhận và nghiệm thu các công việc bảo hành mà Bên B đã thực hiện. Trong trường hợp phát sinh nghĩa

vụ bảo hành, Bên B phải thực hiện sửa chữa theo quy định tại Điều 8.3 cho đến khi hoàn tất việc sửa chữa và có văn bản xác nhận của Bên A về việc Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành;

- Bên B bảo hành phần việc đã thực hiện trong thời gian quy định tại phần Thông tin chung của Hợp đồng (kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng cho phần việc của Bên B) thông qua việc phát hành Thư bảo lãnh của Ngân hàng gửi cho bên A. Giá trị của bảo lãnh bằng 05% giá trị quyết toán hợp đồng hoặc có quy định khác trong Bảng các điều kiện chi tiết của Hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành hợp đồng sẽ hết hạn sau 30 ngày kể từ ngày thời hạn bảo hành (nếu việc bảo hành đang không dở dang) hoặc bảo lãnh bảo hành sẽ hết hiệu lực khi Bên A phát hành văn bản về việc Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành;
- Bên A kịp thời thông báo cho Bên B bằng [văn bản/điện thoại/email/fax] trong trường hợp phát sinh các vấn đề hư hỏng trong thời gian bảo hành. Khi nhận được thông báo, Bên B có trách nhiệm cử nhân viên kỹ thuật đến để kiểm tra các hư hỏng đó và sửa chữa hoặc thay thế các bộ phận hư hỏng đó trong một khoảng thời gian hợp lý được Bên A ấn định, và Bên A không phải chịu thêm bất kỳ chi phí nào cho việc thay thế/sửa chữa này;
- Trường hợp quá thời hạn khắc phục/sửa chữa mà Bên B không thực hiện hoặc cố tình trì hoãn việc sửa chữa, hoặc do yêu cầu gấp phải sửa chữa, bảo hành để đưa công trình vào sử dụng, hoặc Bên A không thể liên lạc được với Bên B do Bên B thay đổi địa chỉ hoặc đi vắng.... hoặc việc sửa chữa không đạt chất lượng, Bên A có quyền thuê đơn vị khác sửa chữa. Trong trường hợp này, Bên B không có quyền thắc mắc hay khiếu nại về nguyên nhân, chi phí và phải thanh toán toàn bộ chi phí cho Bên A bằng cách thanh toán trực tiếp hoặc Bên A trích từ khoản tiền bảo hành giữ lại. Nếu số tiền trích từ phần giá trị bảo hành không đủ thì Bên B phải thanh toán tiếp cho Bên A phần còn thiếu, đồng thời phải tiến hành các thủ tục với ngân hàng để bù lại toàn bộ số tiền mà Bên A đã trích từ khoản tiền bảo hành giữ lại. Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Bên A về cơ bản bị mất toàn bộ lợi ích từ công trình hay phần lớn công trình, phải chấm dứt toàn bộ Hợp đồng hay phần lớn công trình không thể đưa vào sử dụng cho mục đích đã định. Khi đó, không làm tổn hại đến các quyền lợi khác, theo Hợp đồng hay không, Bên A sẽ được quyền lấy lại toàn bộ số tiền đã trả cho công trình hoặc cho một phần công trình đó (tùy từng trường hợp cụ thể) cộng thêm với chi phí tài chính và chi phí tháo dỡ phần công trình đó, dọn dẹp công trường và trả thiết bị, các vật liệu lại cho Bên B;
- Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa tốt ngay trên công trường được và được Bên A đồng ý, Bên B có thể chuyển khỏi công trường hạng mục thiết bị hay công trình bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa. Bên A cũng có thể yêu cầu

Bên B tăng số tiền bảo lãnh thực hiện Hợp đồng tương đương với chi phí thay thế toàn bộ các phần này hay cung cấp sự bảo đảm phù hợp khác;

- Sự cố hư hỏng (nếu có) xảy ra trong thời gian bảo hành do lỗi Bên A không tuân thủ theo các chế độ hướng dẫn sử dụng và bàn giao của Bên B, Bên B có trách nhiệm tổ chức sửa chữa và Bên A sẽ chịu mọi phí tổn liên quan đến việc sửa chữa này;
- Bên B có trách nhiệm cung cấp vật liệu tiêu hao, vật tư thay thế cho Bên A trong vòng 36 tháng sau khi hết thời gian bảo hành với giá ưu đãi.

ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

9.1 Quyền và Trách nhiệm của bên A

- a) Cử cán bộ kỹ thuật theo dõi quá trình Bên B thi công tại công trường. Phối hợp với Bên B giải quyết những vướng mắc trong quá trình thi công;
- b) Cung cấp cho Bên B đầy đủ hồ sơ thiết kế và các tài liệu cần thiết liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng;
- c) Bàn giao cho Bên B mốc cao độ và toạ độ công trình và thống nhất kỹ thuật trước khi thi công công trình;
- d) Bàn giao mặt bằng đủ điều kiện để Bên B thi công, bố trí mặt bằng cho Bên B tập kết và bảo quản vật tư, cung cấp nguồn điện, nước và hỗ trợ Bên B về điều kiện thi công tại công trường;
- e) Phê duyệt và thông qua biện pháp thi công, an toàn lao động và tiến độ chi tiết do Bên B lập;
- f) Phê duyệt bản vẽ thiết kế thi công/ quy cách/ chất lượng/ mẫu thiết bị, vật tư đầu vào trong thời hạn không quá 07 ngày kể từ ngày Bên B đệ trình đầy đủ hồ sơ;
- g) Khi có phát sinh do thay đổi thiết kế hoặc do điều kiện địa chất hoặc những nguyên nhân khác, Bên A có trách nhiệm xác nhận kịp thời những thay đổi đó bằng văn bản để Bên B có thể thi công được liên tục;
- h) Tại bất kỳ thời điểm nào, Bên A và/hoặc những người được Bên A uỷ quyền có quyền tiếp cận công trường và tất cả các phân xưởng hoặc các địa điểm gia công, chế tạo, sản xuất, hoặc chuẩn bị vật tư và máy móc phục vụ cho công trình của Bên B;
- i) Thanh toán cho Bên B theo Điều 7 của Hợp đồng. Cung cấp hoặc thống nhất cùng Bên B các mẫu biểu tài liệu/biên bản, hồ sơ thanh/quyết toán sau khi ký Hợp đồng;
- j) Bên A có quyền yêu cầu ngân hàng thanh toán bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng trong trường hợp Bên B không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần tiền tạm ứng mà Bên B có nghĩa vụ hoàn trả cho Bên A theo quy định tại Hợp đồng;
- k) Bên A có quyền yêu cầu ngân hàng thanh toán bảo lãnh thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng bất kỳ nghĩa vụ

hoặc trách nhiệm nào của Bên B theo Hợp đồng này, hoặc vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp đồng này;

- l) Bên A có quyền dừng thi công ngay lập tức công việc đang thi công (mặc dù đã được nghiệm thu) nếu thấy công việc này đang xảy ra tình trạng sau: Mất an toàn lao động, không tuân thủ thiết kế và các tiêu chuẩn quy định hiện hành, sai biện pháp thi công mà có nguy cơ ảnh hưởng tới an toàn và chất lượng công trình.
- m) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Hợp đồng này và theo thỏa thuận của các Bên từng thời điểm.

9.2 Quyền và Trách nhiệm của Bên B:

Trong quá trình thi công, hoàn thành và sửa chữa sai sót trước và sau khi hoàn thành, Bên B có trách nhiệm:

- a) Thi công đúng theo thiết kế, tuân thủ đúng quy trình, quy phạm hiện hành, các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật, các nội quy, quy định của Bên A, biện pháp thi công được duyệt và tiến độ của Hợp đồng;
- b) Trình Bên A phê duyệt các bản vẽ thiết kế thi công (Shop drawing), biện pháp, tiến độ thi công, các hồ sơ pháp lý, hồ sơ an toàn lao động, hồ sơ vật liệu và bảng mẫu vật liệu trong vòng 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Để cho rõ ràng, việc Bên B chậm trễ trình Bên A phê duyệt các bản vẽ Shop drawing và bảng mẫu vật liệu nêu trên được coi là vi phạm Hợp đồng;
- c) Số lượng cán bộ chỉ huy công trường, cán bộ kỹ thuật, công nhân thi công trên Công trường phải được đăng ký với Bên A, phải có đủ trình độ năng lực chuyên môn, kinh nghiệm theo quy định, phải được phổ biến đầy đủ nội dung các Quy định, Nội quy của Bên A khi làm việc, thi công tại công trường và phải được trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động theo quy định của pháp luật, tên thương hiệu/logo của Bên B phải được in hoặc gắn tại các vị trí dễ nhận diện trên các trang thiết bị bảo hộ lao động. Trong trường hợp (i) Bên B có quyết định thay đổi cán bộ chỉ huy Công trường/cán bộ kỹ thuật thi công hoặc số lượng nhân công trên Công trường, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A, nêu rõ lý do/nguyên nhân thay đổi và việc thay đổi các nhân sự này phải được Bên A xem xét chấp thuận trước khi thay đổi; và/hoặc (ii) nhân sự của Bên B không đáp ứng được yêu cầu của Bên A, Bên B có trách nhiệm thay nhân sự phù hợp trong khoảng thời gian do Bên A ấn định theo thông báo của Bên A và các chi phí phát sinh sẽ do Bên B chịu. Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với quy mô công trình, trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, từng bộ phận đối với việc quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- d) Máy móc, thiết bị, vật tư đưa vào thi công trong công trình phải phù hợp yêu cầu của công tác xây lắp và phải được kiểm định chất lượng, tự bảo quản và xếp đặt đúng nơi quy định, đồng thời Bên B phải đảm bảo luôn luôn có một bộ máy móc, thiết bị hoàn chỉnh và máy phát điện dự phòng tại công trường. Khi được đưa đến công trình, máy móc thiết bị của Bên B phải là để dùng riêng cho việc thi công

công trình. Bên B không được chuyển các hạng mục thiết bị của Bên B ra khỏi công trường nếu không được sự đồng ý của bên A và Tư vấn giám sát. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa và người của Bên B ra khỏi công trường;

- e) Chịu mọi trách nhiệm về an toàn lao động, mua, duy trì hiệu lực và giải quyết các đơn bảo hiểm được liệt kê tại Điều 14.1 của Hợp đồng này. Chịu mọi trách nhiệm trong trường hợp để xảy ra tai nạn lao động trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Toàn bộ công nhân thi công trên công trường phải mặc đồng phục và ra vào dưới sự kiểm soát của Bên A hoặc phương thức do Bên A chỉ định. Bên B phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với bất cứ sự cố nào đối với con người và thiết bị, máy móc trên công trường và xung quanh công trường;
- f) Đảm bảo vệ sinh công trường và môi trường xung quanh (cả trong và xung quanh công trường) và hạn chế thiệt hại và ảnh hưởng tới con người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và các hậu quả khác do hoạt động của Bên B gây ra. Bên B phải đảm bảo rằng các khí thải, chất thải trên mặt đất và dòng thải do hoạt động của Bên B không được vượt quá mức quy định trong các yêu cầu của Bên A và không được vượt quá mức quy định của pháp luật Việt Nam, và phải thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn trong thi công, an toàn về phòng chống cháy, nổ liên quan đến công trình cho Bên A và khu vực lân cận trong suốt thời gian thi công công trình;
- g) Giữ gìn an ninh trật tự trong phạm vi công trường. Đăng ký tạm trú, tạm vắng theo đúng quy định của pháp luật. Xin các loại giấy phép để phục vụ thi công, có biện pháp chống, đỡ các công trình lân cận khi thi công, có hệ thống chiếu sáng để đảm bảo an toàn, phải lập hàng rào bao quanh và có biện pháp bao che công trình chống bụi theo quy định, có nhân viên bảo vệ và coi sóc công trình cho tới khi hoàn thành và bàn giao theo Hợp đồng này. Cung cấp các công trình tạm (gồm đường xá, đường đi bộ, trạm gác) cần thiết cho thực hiện công trình để sử dụng và bảo vệ công chúng và các chủ sở hữu và người đang cư trú ở các khu đất lân cận. Sửa chữa, vệ sinh tuyến đường hiện hữu thường xuyên và khi có yêu cầu đảm bảo giảm thiểu tối đa những hỏng hóc và đảm bảo vệ sinh môi trường, hoàn trả nguyên trạng sau khi thi công. Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về các tổn thất, thiệt hại xảy ra cho các công trình, cống ngầm, đường, nhà ở lân cận, liền kề nếu những tổn thất, thiệt hại này do nguyên nhân thi công gây ra;
- h) Thanh toán đầy đủ tiền điện, nước thi công và các tiện ích khác do Bên A cung cấp để Bên B thi công theo chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Bên A. Nếu Bên A không thể cung cấp thì Bên B phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Bên B cần để thực hiện Hợp đồng này. Bên B phải tự chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và đo đạc số lượng tiêu thụ. Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ phải được chấp thuận hoặc xác định bởi Bên A;

- i) Mở nhật ký công trình và phải ghi chép đầy đủ nội dung theo quy định, có xác nhận của Tư vấn giám sát và Bên A;
- j) Thông báo ngay cho Bên A bằng văn bản khi có những phát sinh trong quá trình thi công do bản vẽ thay đổi hoặc do điều kiện địa chất hoặc môi trường xung quanh làm ảnh hưởng tới công việc thi công, phối hợp với Bên A kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh;
- k) Hoàn thành đầy đủ và đúng hạn hồ sơ nghiệm thu, hoàn công công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.
- l) Tiến hành lấy mẫu và thực hiện các thủ tục thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình xây dựng theo tiêu chuẩn và yêu cầu thiết kế. Việc thí nghiệm và kết quả thí nghiệm phải được thực hiện tại các cơ sở đạt chuẩn Nhà nước do Bên A chỉ định hoặc chấp thuận. Trình Bên A các kết quả thí nghiệm theo yêu cầu;
- m) Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A kiểm tra, giám sát việc thực hiện thi công, nghiệm thu các công việc hoàn thành. Hợp tác với Bên A, đại diện hoặc người lao động của Bên A, các nhà thầu khác do Bên A thuê (nếu có), và các nhân viên của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện Hợp đồng này;
- n) Đưa khỏi công trình các cán bộ, nhân viên của Bên B khi có ý kiến bằng văn bản của Bên A về việc các cán bộ, nhân viên đó không đủ năng lực, hoặc vi phạm quy trình kỹ thuật thi công, tái phạm hoặc vi phạm nghiêm trọng Quy định, Nội quy của Bên A, hoặc không hợp tác trong quá trình kiểm soát của Bên A;
- o) Đối với những vật tư do Bên A cấp (nếu có), Bên B có trách nhiệm:
 - Lập báo cáo cân đối vật tư: nhập, dùng, tồn kho và khối lượng vật tư sử dụng trên khối lượng hoàn thành trình Bên A ngày thứ 7 hàng tuần;
 - Tập hợp, lưu trữ và đưa vào hồ sơ chất lượng các chứng chỉ thí nghiệm;
 - Thu dọn vật tư dùng dở về kho sau ca kíp làm việc;
 - Đảm bảo việc sử dụng vật tư đúng theo định mức do Bộ Xây dựng công bố cho tất cả các đơn vị thi công sử dụng vật tư do Bên A cấp, Bên B phải chịu toàn bộ chi phí nguyên vật liệu vượt định mức theo quy định này.
- p) Bên B phải định vị công trình theo các điểm gốc, tuyến và cao độ tham chiếu được xác định theo Hợp đồng này. Bên B phải chịu trách nhiệm định vị đúng toàn bộ các hạng mục của công trình và phải sửa chữa bất kỳ sai sót nào về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình, và bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình;
- q) Bên B có trách nhiệm nghiên cứu và nắm rõ các đặc điểm về điều kiện ngầm dưới đất, thủy văn và các yếu tố môi trường tại công trường. Bên B tìm hiểu tất cả các thông tin cần thiết liên quan đến rủi ro, bất trắc và các điều kiện khác có thể ảnh hưởng đến công trình. Bên B phải xem xét và thẩm tra công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu về điều kiện ngầm dưới đất, thủy văn và các yếu tố

môi trường và thông tin khác và phải hoàn tất xong trước khi lập Biện pháp thi công;

- r) Nếu Bên B gặp phải các điều kiện vật chất bất lợi gồm điều kiện vật chất tự nhiên và nhân tạo, chất gây ô nhiễm và những cản trở vật chất khác mà Bên B gặp phải tại công trường khi thi công, bao gồm các điều kiện ngầm dưới đất và điều kiện thủy văn nhưng không gồm điều kiện khí hậu mà không lường trước được, Bên B phải thông báo ngay cho Tư vấn giám sát và/hoặc Bên A. Thông báo phải mô tả điều kiện vật chất để Tư vấn giám sát và/hoặc Bên A có thể kiểm định chúng và phải đưa ra lý do tại sao Bên B cho rằng những điều kiện vật chất này là không thể lường trước được. Bên B phải tiếp tục thi công công trình, sử dụng các biện pháp hợp lý, phù hợp với các điều kiện vật chất, và phải tuân thủ chỉ dẫn của Tư vấn giám sát và/hoặc Bên A. Bên A sẽ xem xét kéo dài thời hạn hoàn thành công trình hoặc hạng mục công trình bị chậm trễ do các điều kiện vật chất bất lợi này gây ra dựa trên tình hình thực tế và thông báo của Bên B;
- s) Bên B phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng và/hoặc tạm thời mà Bên B cần có, bao gồm lối vào công trường, cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn. Bên B phải nỗ lực hợp lý để tránh làm hư hỏng đường hoặc cầu do việc sử dụng đi lại của Bên B hoặc người của Bên B gây ra, phải sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp và sẽ phải chịu trách nhiệm bảo dưỡng đường hoặc cầu nếu Bên B có yêu cầu sử dụng các tuyến đường hoặc cầu đó. Trừ phi được quy định khác trong Hợp đồng này. Bên A không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào, và chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Bên B cũng như không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại của Bên B;
- t) Chịu chi phí làm đường công vụ, đường tạm đi chuyên quanh công trình, trạm rửa xe phục vụ thi công theo biện pháp và lán trại công nhân, kho bãi và văn phòng điều hành của Bên B;
- u) Bên B phải thông báo cho các bên liên quan không muộn hơn 05 ngày trước ngày mà mọi thiết bị hoặc hạng mục hàng hóa chính khác được vận chuyển tới công trường. Trong quá trình thi công, Bên B phải chịu trách nhiệm về việc đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, tiếp nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ toàn bộ hàng hóa và các vật dụng khác cần thiết cho công trình, phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi thực hiện hoạt động trên công trường và khu vực phụ mà Bên B được Bên A đồng ý là nơi làm việc. Bên B phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả chi phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển hàng hóa và

phải thương lượng và thanh toán toàn bộ yêu cầu đòi đền bù phát sinh từ việc vận tải của Bên B.

- v) Sau khi chứng chỉ nghiệm thu đã được cấp, Bên B phải dọn sạch và đưa đi tất cả máy móc thiết bị của mình, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng và công trình tạm khôi những bộ phận của công trường và công trình mà đã được cấp chứng chỉ nghiệm thu. Bên B phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn;
- w) Toàn bộ các hóa thạch, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thuộc thẩm quyền của Bên A. Bên B phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này. Khi phát hiện ra những đồ vật này, Bên B phải thông báo ngay cho Tư vấn giám sát và/hoặc Bên A để hướng dẫn giải quyết;
- x) Chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc coi sóc công trình, máy móc, thiết bị, vật tư liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng từ ngày khởi công cho đến ngày khi trách nhiệm được chuyển cho Bên A. Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, máy móc, thiết bị, vật tư hoặc tài liệu nào của Bên B trong khoảng thời gian Bên B đang chịu trách nhiệm coi sóc, Bên B sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng để công trình, hàng hóa và tài liệu của Bên B đúng với quy định tại Hợp đồng;
- y) Thực hiện đúng đầy đủ các trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B theo quy định của Hợp đồng. Bất cứ văn bản phê duyệt nào của Bên A đều không làm giảm bớt trách nhiệm pháp lý hay các nghĩa vụ của Bên B theo Hợp đồng này;
- z) Bất kỳ tổn thất hay thiệt hại phát sinh mà Bên A phải gánh chịu do Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định nêu tại Hợp đồng và các Phụ lục ban hành kèm theo Hợp đồng này, Bên B sẽ phải chịu phạt vi phạm theo quy định tại Điều 10 của Hợp đồng này và bồi thường thiệt hại cho Bên A, Bên A có quyền khấu trừ vào giá trị thanh, quyết toán phải trả gần nhất cho Bên B mà không cần có sự đồng ý của Bên B;
- aa) Bên B có thể giao một hoặc một số công việc của Hợp đồng này cho nhà thầu khác nhưng phải được sự đồng ý của bên A bằng văn bản. Trong mọi trường hợp, trách nhiệm và tổn hại do các nhà thầu phụ của bên B gây ra sẽ được coi như là họ đang làm việc cho bên B;
- bb) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của bên B phải thường xuyên có mặt tại công trường và phải tham gia các cuộc họp thường xuyên, đột xuất...do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của bên A tổ chức;

cc) Phát hành hoá đơn tài chính cho Bên A theo quy định hiện hành của Nhà nước, có giá trị đúng bằng 100% giá trị khối lượng phần việc Bên B thực tế thực hiện được bên A xác nhận;

dd) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Hợp đồng này và theo thỏa thuận của các Bên từng thời điểm.

ĐIỀU 10. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, Bên nào không thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của mình sẽ phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Hợp đồng này.

10.1 Phạt vi phạm về chất lượng:

- Nếu Bên B thi công không đúng hoặc không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của bản vẽ thiết kế thi công và tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật theo quy định, thì Bên B sẽ phải chịu phạt vi phạm đối với từng hành vi vi phạm cụ thể và tùy theo mức độ vi phạm quy định tại Quy chế xử lý vi phạm về chất lượng, tiến độ trong sản xuất, thi công công trình ban hành kèm theo Quyết định số 60/2018/QĐ/XMC-HĐQT ngày 16/04/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Mai, đồng thời Bên B phải thực hiện việc thay thế hoặc sửa chữa/khắc phục và chịu mọi kinh phí cho việc thay thế/sửa chữa/khắc phục đó. Việc thay thế/sửa chữa/khắc phục được coi là hoàn thành sau khi được Bên A nghiệm thu và xác nhận bằng văn bản. Để làm rõ, việc thay thế/sửa chữa/khắc phục phải được thực hiện trong khoảng thời gian hợp lý do Bên A ấn định. Trong trường hợp việc thay thế/sửa chữa/khắc phục làm tiến độ thực hiện Hợp đồng bị chậm so với kế hoạch, Bên A có quyền áp dụng các hình thức phạt như nêu tại Khoản 10.2 của Điều này;
- Nếu Bên B không thay thế/sửa chữa/khắc phục hoặc cố tình trì hoãn hoặc thay thế/sửa chữa/khắc phục không đầy đủ, không đảm bảo chất lượng trong khoảng thời gian do Bên A ấn định thì Bên A có thể tự thực hiện hoặc thuê nhà thầu khác thực hiện tùy theo quyết định của Bên A, và Bên B sẽ phải chịu mọi chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc thay thế/sửa chữa/khắc phục, đồng thời phải chịu phạt do vi phạm về chất lượng tối đa không quá 12% giá trị hợp đồng, đồng thời phải bồi thường thiệt hại cho Bên A (nếu có).

10.2 Phạt chậm tiến độ

- a) Phạt chậm tổng tiến độ: Nếu Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hoặc chậm tiến độ quy định tại Điều 5 của Hợp đồng, thì Bên B phải chịu phạt theo tỷ lệ/giá trị quy định trong Bảng các điều kiện chi tiết của Hợp đồng. Khoản phạt này được Bên A khấu trừ ngay trong giá trị quyết toán Hợp đồng và khấu trừ các khoản Bên A đang tạm giữ của Bên B theo Điều 10.2-b. Nếu việc chậm tiến độ vượt quá 30 ngày, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng và Bên B chịu phạt khoản tiền bằng 12% giá trị hợp đồng và đền bù toàn bộ thiệt hại do việc chậm trễ của Bên B gây ra.

b) Tạm giữ một phần giá trị thanh toán khi chậm tiến độ theo giai đoạn:

- Trong trường hợp Bên B chậm tiến độ so với từng phân đoạn theo bảng tiến độ chi tiết được duyệt nêu tại Điều 5 của Hợp đồng, bên A sẽ tạm giữ một khoản tiền được quy định trong Bảng các điều kiện chi tiết của Hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ. Khoản tạm giữ này sẽ được Bên A khấu trừ ngay trong các đợt thanh toán của Bên B. Bên A sẽ hoàn trả cho Bên B khoản tiền tạm giữ này nếu Bên B có biện pháp khắc phục, đuổi kịp tiến độ và hoàn thành tiến độ ở phân đoạn tiếp theo;
- Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu tổng thời gian thi công chậm tiến độ lũy kế của các phân đoạn vượt quá thời gian quy định trong Bảng các điều kiện chi tiết, và Bên B không có biện pháp khắc phục hợp lý được Bên A chấp thuận, Bên A có quyền lựa chọn cắt giảm khối lượng thi công của Bên B, giao cho nhà thầu khác thực hiện, và/hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng, áp dụng các hình thức phạt theo quy định tại Khoản 10.2.a của Điều này.

10.3 Lãi chậm thanh toán: Bất kỳ đợt thanh toán chậm nào cũng không được quá 15 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng. Nếu quá thời hạn 15 ngày nêu trên, Bên A sẽ phải trả cho Bên B khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất huy động 12 tháng do Ngân hàng BIDV công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Trường hợp Bên B chậm trễ trong việc nộp Hồ sơ quyết toán, thanh lý Hợp đồng theo yêu cầu của Bên A, Bên A có quyền áp dụng các quy định tại Điều 7.5 (f) của Hợp đồng.

10.4 Phạt vi phạm Quy định, Nội quy công trường: Trong trường hợp Bên B và/hoặc người làm công, công nhân, chuyên gia, cán bộ, nhân viên, đại lý, khách mời của Bên B vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động xây, Bên B sẽ phải chịu phạt vi phạm đối với từng hành vi vi phạm cụ thể và tùy theo mức độ vi phạm quy định tại Quy chế xử lý vi phạm về an toàn lao động – vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ - cứu hộ cứu nạn – bảo vệ môi trường của Bên A ban hành theo Quyết định 15/2021/QĐ/XMC-HĐQT ngày 28/01/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Mai gắn kèm Hợp đồng này; đồng thời phải khắc phục, bồi thường toàn bộ thiệt hại do các hành vi vi phạm đó gây ra cho các bên có liên quan.

10.5 Bên B phải bồi thường cho Bên A, người lao động của Bên A và những người liên quan khác đối với bất kỳ và toàn bộ các tổn thất, chi phí, thiệt hại, khiếu kiện, yêu cầu, vụ kiện, thủ tục tố tụng, khoản nợ và phí tổn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm nhưng không giới hạn chi phí Pháp lý) mà Bên A, người lao động của Bên A và những người liên quan khác phải gánh chịu phát sinh từ bất kỳ vi phạm nào đối với Hợp đồng của Bên B.

10.6 Bên B cũng phải bồi hoàn cho Bên A những chi phí mà Bên A phải gánh chịu (nếu có) do:

- Bên B, người lao động của Bên B và những người liên quan khác của Bên B không có đầy đủ các giấy phép, chấp thuận, phê duyệt để thực hiện Hợp đồng;

- Các thiệt hại về môi trường do Bên B gây ra khi thực hiện Hợp đồng;
- Bên B không huy động đủ số thiết bị theo hợp đồng, biện pháp thi công thì bên B sẽ bị phạt cho mỗi ngày thiếu thiết bị là 5.000.000/thiết bị, các thiết bị chuyển về công trường mà không mời bên A nghiệm thu được coi là chưa chuyển về công trường.
- Bên B không nộp hoặc nộp thiếu các loại thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam; hoặc
- Bên B xâm phạm các quy định về sở hữu trí tuệ khi thực hiện Hợp đồng;

10.7 Khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của bên A cho phép bên B được chuyển nhượng hợp đồng cho bên thứ 3 hoặc cho nhà thầu phụ làm, bên A có quyền phạt bên B 12% giá trị hợp đồng bị chuyển nhượng/vi phạm.

ĐIỀU 11. BẤT KHẢ KHÁNG

11.1 Bất khả kháng trong Hợp đồng được hiểu là những yếu tố nằm ngoài khả năng kiểm soát của các bên. Những tình huống đó không thể đoán trước, tránh hay ngăn cản được hoàn toàn, bao gồm nhưng không hạn chế bởi: thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh, cấm đường, gió mưa lớn, sự ngăn cấm của các cơ quan có thẩm quyền, thiếu nhân lực hay hàng hóa không thể lường trước được do:

- Hoạt động của Chính phủ hoặc dịch bệnh gây ra;
- Chiến tranh, tình trạng chiến tranh, sự xâm lược, hoạt động của kẻ thù nước ngoài;
- Nổi loạn, khủng bố, cách mạng, khởi nghĩa, đảo chính hoặc nội chiến;
- Náo loạn, bãi công hay bị bao vây bởi những người không phải của bên B và các người làm thuê khác của bên B và nhà thầu phụ;
- Vũ khí, đạn dược của chiến tranh, vật liệu nổ, phóng xạ ion hoặc ô nhiễm do hoạt động phóng xạ, ngoại trừ do có thể quy kết cho việc bên B sử dụng vũ khí đạn dược, chất nổ, phóng xạ và hoạt động phóng xạ;
- Các thiên tai như động đất, lốc, bão hay hoạt động núi lửa;
- Không giải phóng được mặt bằng xây dựng;
- Thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của các cơ quan có thẩm quyền và các sự kiện bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật.

11.2 Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải tiến hành các biện pháp cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng của bất khả kháng đồng thời phải thông báo ngay cho bên kia biết về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, dự kiến thiệt hại, thời gian và biện pháp khắc phục. Khi đó vì lý do bất khả kháng mà bên A hoặc bên B không thể thực hiện hay không thể thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình thì sẽ không phải chịu trách nhiệm về bồi thường hay phạt vi phạm hợp đồng;

- 11.3 Những trường hợp, những yếu tố được coi là bất khả kháng ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công trình như đã cam kết trong hợp đồng phải được chứng minh thỏa mãn tiêu chí: không thể biết trước, không thể đoán trước, nằm ngoài khả năng của bất kỳ đơn vị nào trong tình huống đó, gồm:
- Nằm ngoài khả năng kiểm soát của các bên;
 - Các bên không thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết hợp đồng;
 - Đã xảy ra mà mỗi bên không thể tránh hay khắc phục được một cách hợp lý;
 - Không thể quy trách nhiệm lỗi cho bên kia.

ĐIỀU 12. THAY ĐỔI, BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

- 12.1 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu hai bên muốn sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng hoặc phát sinh các vấn đề khác có liên quan mà các vấn đề đó không được quy định tại các điều khoản của hợp đồng này thì hai bên có thể thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
- 12.2 Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký xác nhận của các bên và được coi là bộ phận không tách rời của hợp đồng.

ĐIỀU 13. TẠM DỪNG VÀ ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 13.1 Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi bên A:
- a) Tạm dừng Hợp đồng theo quyết định bởi Bên A:
- Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu Bên B không thực hiện và/hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra Thông báo tạm dừng công việc của Bên B, yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian do Bên A ấn định (sau đây gọi là “Thông báo tạm dừng”). Khi nhận được Thông báo tạm dừng, Bên B sẽ ngay lập tức tuân thủ các yêu cầu/điều khoản nêu tại Thông báo tạm dừng và tiến hành tất cả các bước hợp lý để giảm tối đa chi phí phát sinh liên quan đến Hợp đồng này trong suốt giai đoạn tạm dừng thực hiện công việc cho đến khi Thông báo tạm dừng bị hủy bỏ theo quyết định của Bên A;
 - Bên A cũng có quyền yêu cầu Bên B tạm dừng một hạng mục hoặc toàn bộ các hạng mục công trình do bên B đảm nhận tại bất kỳ thời điểm nào. Trong thời gian tạm dừng đó, Bên B phải bảo vệ, đảm bảo hạng mục hoặc công trình xây dựng không bị xuống cấp, mất mát hay bị hư hỏng. Thời gian tạm dừng này sẽ được Bên A xem xét điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tương ứng.
 - Sau khi đã nhận được sự cho phép hay hướng dẫn tiếp tục tiến hành, Bên B và Tư vấn giám sát sẽ cùng kiểm tra công trình, thiết bị và các vật liệu bị ảnh hưởng do việc tạm dừng. Bên B sẽ sửa chữa chỗ xuống cấp, hư hỏng hay mất mát của công trình, thiết bị hoặc các vật liệu đã xảy ra trong thời gian tạm ngừng.
- b) Chấm dứt Hợp đồng theo quyết định bởi Bên A:
- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B có các hành vi vi phạm sau:

- i. Không khắc phục ngay các vi phạm Hợp đồng trong khoảng thời gian hợp lý do Bên A ấn định;
- ii. Bỏ dở công việc hoặc ngừng thực hiện công việc tới 30 ngày mà không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;
- iii. Không hoàn thành công việc theo tiến độ quy định tại Điều 5 mà không có lý do chính đáng và không được Bên A chấp thuận bằng văn bản;
- iv. Cho thầu phụ thực hiện bất kỳ công việc nào của Hợp đồng hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không được Bên A chấp thuận trước bằng văn bản;
- v. Không thực hiện bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc bảo lãnh thực hiện Hợp đồng theo quy định tại Điều 8 Hợp đồng này;
- vi. Không tuân thủ thông báo đưa ra tại Điều 3.2 (e) và 3.2 (f) của Hợp đồng này trong vòng 28 ngày kể từ ngày nhận được thông báo;
- vii. Không mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam và không khắc phục vi phạm này trong vòng 10 ngày sau khi nhận được yêu cầu của Bên A;
- viii. Vi phạm hoặc không thực hiện các trách nhiệm của Bên B theo quy định của Hợp đồng này và vẫn tiếp tục vi phạm hoặc không thực hiện kể từ ngày Bên A gửi thông báo;
- ix. Bị phá sản hoặc giải thể hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc tạm ngừng hoạt động;

Khi xảy ra một trong những trường hợp nêu tại điều Điều 13.1 (b) (trừ trường hợp ix) Hợp đồng sẽ chính thức chấm dứt sau khi Bên A gửi Thông báo chấm dứt Hợp đồng trước 28 ngày cho Bên B. Tuy nhiên, trong các trường hợp nêu tại điểm ix của Điều 13.1 (b) Điều này, Bên A có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng với hiệu lực ngay lập tức;

Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều này, Bên A có quyền thu hồi toàn bộ số tiền đã tạm ứng và chưa được hoàn trả, các khoản thanh toán khác (nếu có) và yêu cầu Bên B bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế gây ra (nếu có) cho Bên A do việc vi phạm Hợp đồng của Bên B và/hoặc yêu cầu ngân hàng thực hiện nghĩa vụ thanh toán các bảo lãnh do Bên B cung cấp;

Bên A cũng có quyền chấm dứt Hợp đồng mà không phải chịu trách nhiệm phạt, bồi thường cho Bên B vào bất cứ lúc nào theo quyết định của Bên A do lỗi của bên B gây ra hoặc khi Bên A nhận thấy Bên B không có khả năng thực hiện tốt công việc trong Hợp đồng hoặc khi Bên A không thực hiện tạm ứng Hợp đồng cho Bên B, bằng cách thông báo cho Bên B về việc chấm dứt Hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực vào 28 ngày sau khi Bên B nhận được thông báo của Bên A.

13.2 Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B:

- a) Tạm dừng Công việc theo quyết định bởi Bên B:
 - Bên B có quyền tạm dừng công việc của Hợp đồng nếu Bên A chậm thanh toán cho Bên B quá 15 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại Điều 7, với điều kiện Bên B đã hoàn thành đúng và đầy đủ các trách nhiệm theo quy định của Hợp đồng, Bên B có thể, sau khi thông báo cho Bên A trước 07 ngày, sẽ tạm dừng công

việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ khi hoặc cho đến khi Bên B được thanh toán theo các điều khoản của Hợp đồng. Nếu Bên B phải chịu sự chậm trễ phát sinh do việc tạm dừng Hợp đồng theo quy định trên đây thì Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A và có quyền yêu cầu Bên A xem xét, quyết định gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ đó. Việc gia hạn thời gian này sẽ không được Bên A xem xét trong trường hợp phạm vi, nguyên nhân tạm dừng do lỗi của Bên B;

- Nếu Bên B nhận được thanh toán trước khi Thông báo tạm dừng Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường phù hợp với tiến độ của Hợp đồng (thời gian Bên A chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán sẽ không được gia hạn vào thời hạn hoàn thành công việc của Bên B theo tiến độ của Hợp đồng).

b) Chấm dứt Hợp đồng theo quyết định bởi Bên B

Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

- i. Sau khi đã áp dụng các biện pháp tạm dừng công việc của Hợp đồng như nêu tại mục a Điều 13.2 trên đây mà sau 15 ngày kể từ ngày tạm dừng Hợp đồng, Bên B vẫn không nhận được số tiền thanh toán từ Bên A;
- ii. Bên A bị phá sản hoặc giải thể hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc tạm dừng hoạt động;

Khi xảy ra trường hợp nêu tại mục i điều 13.2.b trên đây, Hợp đồng sẽ chính thức chấm dứt sau khi Bên B gửi Thông báo trước 07 ngày cho Bên A về việc chấm dứt Hợp đồng hoặc Hợp đồng sẽ chấm dứt ngay khi xảy ra trường hợp nêu tại mục ii Điều 13.2.b.

13.3 Nếu các bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái pháp luật, không thuộc các lý do nêu tại mục 13.1, 13.2 của Hợp đồng thì bên bị vi phạm có quyền phạt bên vi phạm 12% giá trị hợp đồng.

13.4 Nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên sau khi chấm dứt Hợp đồng

- Sau khi Hợp đồng được chấm dứt theo quyết định bởi một trong hai bên theo quy định trên đây, Bên B có trách nhiệm ngừng thực hiện toàn bộ công việc ngay lập tức trừ các công việc được Bên A hướng dẫn để đảm bảo an toàn cho con người, tài sản của các bên tại công trường;
- Bên B phải lập tức rời khỏi công trường và bàn giao cho Bên A toàn bộ hàng hóa, các tài liệu và hồ sơ thiết kế khác của Bên B mà Bên A đã thanh toán cho Bên B. Bên A có toàn quyền sử dụng hàng hóa, thiết bị, máy móc, hồ sơ tài liệu này và có quyền tự mình hoặc thuê nhà thầu khác tiếp tục thực hiện công việc của Hợp đồng;
- Bên B tự chịu mọi chi phí và rủi ro khi di chuyển thiết bị và lực lượng thi công của Bên B ra khỏi công trường. Tuy nhiên, nếu Bên B còn nợ Bên A một khoản thanh toán nào đó thì Bên A có quyền giữ lại hàng hóa, thiết bị, máy móc của Bên B để bán lấy lại tiền. Số tiền dư sẽ được hoàn trả cho Bên B. Trường hợp Bên B không thu dọn hàng hóa, máy móc, thiết bị ra khỏi công trường thì Bên A sẽ thu dọn hoặc thuê một bên thứ 3 thu dọn toàn bộ tài sản của Bên B và chi phí này Bên B có trách nhiệm chi trả;
- Trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại khoản 13.1.b nêu trên hoặc các nguyên nhân khác do lỗi của Bên B, Bên A có toàn quyền sử dụng (mà

không phải chịu thêm bất kỳ chi phí nào) các thiết bị, máy móc thi công của Bên B cho đến khi hoàn thành hạng mục công trình của Hợp đồng này.

13.5 Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng

- Ngay khi Thông báo chấm dứt Hợp đồng có hiệu lực, hai bên sẽ thỏa thuận và xác nhận giá trị khối lượng thực hiện của Bên B đã được Bên A nghiệm thu và các khoản phải thanh toán cho các công việc được thực hiện đúng theo Hợp đồng;
- Khi xảy ra một trong các trường hợp chấm dứt Hợp đồng được nêu tại Điều 13.1.b thì Bên A có quyền áp dụng phạt bên B đến 12% giá trị hợp đồng.

ĐIỀU 14. BẢO HIỂM CỦA BÊN B

14.1 Không làm giới hạn hoặc giảm bớt trách nhiệm, nghĩa vụ, cam kết của Bên B theo quy định tại Hợp đồng này hoặc/và trách nhiệm pháp lý của Bên B theo quy định của pháp luật, Bên B, bằng chi phí của mình, phải mua, duy trì hiệu lực các loại hình bảo hiểm dưới đây và chịu trách nhiệm giải quyết mọi sự cố bảo hiểm trong suốt thời gian từ khi bắt đầu đến khi kết thúc Hợp đồng này và trong thời gian gia hạn hay kéo dài thi công (nếu có), gồm có:

- Bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trình với số tiền bảo hiểm tối thiểu là 100 triệu đồng / người/1 vụ (quy định tại mục 3 điều 4 và mục 3 điều 10 NĐ 119/2015/NĐ-CP quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động xây dựng);
- Bảo hiểm cho các máy móc, thiết bị thi công phục vụ cho việc thực hiện Hợp đồng. Số tiền bảo hiểm phải đủ để đảm bảo việc thay thế các máy móc, thiết bị này bằng máy móc, thiết bị tương đương tại thời điểm xảy ra tổn thất bao gồm cả chi phí vận chuyển tới công trình;
- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với tai nạn, rủi ro cho bên thứ ba trong phạm vi công trường và/hoặc liên quan đến việc thi công tại công trường.

14.2 Bên B có trách nhiệm liệt kê tên của Bên A với tư cách là người đồng được bảo hiểm trong các đơn bảo hiểm được thực hiện theo quy định tại Điều 14.1.

14.3 Bất kỳ đơn bảo hiểm nào khác liên quan đến công việc tuân theo Hợp đồng này mà Bên A không được liệt kê tên với tư cách là người đồng bảo hiểm cùng Bên B, thì sẽ phải bổ sung điều khoản từ bỏ thế quyền để từ bỏ bất kỳ quyền lợi được nêu rõ hay ngầm hiểu nào mà Bên B/Công ty bảo hiểm có thể được hưởng đối với Bên A.

14.4 Trong trường hợp Bên B sử dụng Nhà thầu phụ để thực hiện Hợp đồng này, thì Bên B với tư cách là Nhà thầu chính có trách nhiệm đảm bảo rằng, bất kỳ Nhà thầu phụ nào, bằng chi phí của Nhà thầu phụ, cũng phải mua và duy trì các loại hình bảo hiểm tương tự như đã được quy định rõ tại Điều 14.1, và phải gửi cho Bên A bản sao hợp lệ các giấy tờ bảo hiểm chứng minh. Nhà thầu chính sẽ phải chịu trách nhiệm đối với bất kỳ sự không đầy đủ nào trong phạm vi bảo hiểm của Nhà thầu phụ.

14.5 Trước khi đưa máy móc, thiết bị và nhân lực vào thi công, Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A bản sao hợp lệ các giấy tờ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều này cùng với chứng từ chứng minh đã thanh toán phí bảo hiểm.

14.6 Trong trường hợp Bên B không thực hiện đúng, đầy đủ việc mua và duy trì bảo hiểm, Bên A có quyền (nhưng không có nghĩa vụ), đại diện toàn bộ cho Bên B, tiến

hành mua, duy trì các loại bảo hiểm của Bên B tại công ty bảo hiểm do Bên A chỉ định. Bên A được tự động khấu trừ phí bảo hiểm phải thanh toán vào giá trị Hợp đồng phải trả cho Bên B và thông báo bằng văn bản cho Bên B. Bên B mặc nhiên đồng ý với quy định này và có trách nhiệm ký kết, tuân thủ đơn bảo hiểm do Bên A đại diện xác lập với Công ty bảo hiểm. Để cho rõ ràng, việc Bên A có thực hiện quyền của mình tại điều khoản này hay không sẽ không làm phương hại đến các quyền, nghĩa vụ của Bên A và Bên B quy định tại Hợp đồng này.

- 14.7 Khi có bất kỳ sự cố xảy ra, Bên B có trách nhiệm thông báo bằng văn bản ngay lập tức cho Bên A thông tin chi tiết về sự cố và có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ, tuân thủ các yêu cầu của Công ty bảo hiểm và Bên A (nếu có). Bất kỳ tổn thất hay thiệt hại mà Bên A phải gánh chịu do lỗi của Bên B không thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu của Bên A và/hoặc Công ty bảo hiểm trong quá trình giải quyết sự cố, tổn thất thì Bên B sẽ phải thanh toán và Bên A có quyền khấu trừ vào giá trị Hợp đồng phải trả cho Bên B.
- 14.8 Không ảnh hưởng đến việc giải quyết các đơn bảo hiểm của Bên B hoặc/và của Bên A, khi có yêu cầu của Bên A, Bên B bằng chi phí của mình có trách nhiệm khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế bất cứ tổn thất, thiệt hại nào gây ra bởi hoặc phát sinh từ việc thi công công trình của Bên B.
- 14.9 Nếu vì bất kỳ lý do nào mà có thông báo từ Công ty bảo hiểm cho thấy Bên B phải chịu trách nhiệm về việc tăng phí bảo hiểm của Bên A, Bên B sẽ phải bồi hoàn cho Bên A số tiền phí bảo hiểm tăng thêm đó và Bên A có quyền khấu trừ vào giá trị Hợp đồng phải trả cho Bên B.
- 14.10 Những quy định về thu xếp bảo hiểm của Bên B nêu trên sẽ không làm giới hạn hoặc giảm bớt trách nhiệm, nghĩa vụ, cam kết của Bên B theo quy định tại Hợp đồng này hoặc/và trách nhiệm Pháp lý của Bên B theo quy định của pháp luật. Bất kỳ tổn thất, chi phí, mức miễn thường bảo hiểm hay loại trừ bảo hiểm nào mà Bên A hay Bên thứ ba có liên quan phải gánh chịu gây ra bởi hoặc phát sinh từ việc thi công công trình của Bên B hoặc/và do Bên B vi phạm Hợp đồng này thì Bên B phải thanh toán cho Bên A hoặc/và cho Bên thứ ba có liên quan. Bên A có quyền khấu trừ vào giá trị Hợp đồng phải trả cho Bên B, nếu chưa đủ thì Bên B phải thanh toán tiếp phần còn thiếu cho Bên A.
- 14.11 Hai bên đồng ý và thỏa thuận rằng, trong trường hợp có nhiều Nhà thầu tham gia thực hiện các hạng mục công trình thuộc Dự án mà phát sinh bất kỳ tổn thất, chi phí, mức miễn thường bảo hiểm hay loại trừ bảo hiểm nào không được bồi thường hoặc không thể thu hồi theo Đơn bảo hiểm của Bên A, các Nhà thầu có liên quan sẽ phải chi trả theo mức trách nhiệm được phân định bởi Công ty bảo hiểm hoặc đơn vị giám định bảo hiểm.
- 14.12 Trong trường hợp không phân định được trách nhiệm giữa các bên liên quan, các Nhà thầu sẽ phải chia sẻ trách nhiệm theo tỉ lệ giữa giá trị Hợp đồng thi công của Nhà thầu đó so với tổng giá trị các Hợp đồng của các Nhà thầu liên đới và Bên A có quyền khấu trừ vào giá trị Hợp đồng phải trả cho các Nhà thầu.

ĐIỀU 15. TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 15.1 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, khi có những vấn đề vướng mắc hoặc phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và nỗ lực tối đa chủ động thương lượng giải quyết trên nguyên tắc bình đẳng, đảm bảo hai bên cùng có lợi;
- 15.2 Trường hợp có tranh chấp hợp đồng mà hai bên không tự giải quyết được thông qua thương lượng, hòa giải thì một trong hai bên có quyền đưa vụ việc ra toà án nơi có trụ sở của nguyên đơn để giải quyết mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này.

ĐIỀU 16. ĐIỀU KHOẢN BẢO MẬT

16.1 Nghĩa Vụ Bảo Mật

- Các Bên cam kết rằng, trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng này và sau khi Hợp đồng này chấm dứt, Các Bên sẽ tuyệt đối bảo mật các thông tin mật (“Thông Tin Mật”) của Bên còn lại. Theo đó, không Bên nào được tiết lộ Thông Tin Mật cho bất kỳ bên thứ ba nào, dù là trực tiếp hay gián tiếp, trong bất kỳ tình huống nào, khi không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại trừ trường hợp quy định tại Mục 2 dưới đây.
- Cho mục đích quy định tại đây, Thông Tin Mật được hiểu là các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn các điều khoản của Hợp đồng này và/hoặc các thông tin, dữ liệu, văn bản được tạo ra do liên quan đến hoặc phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng, các thông tin, dữ liệu, văn bản được một Bên cung cấp cho Bên còn lại cho dù dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện Hợp đồng này. Ngoài ra, Thông Tin Mật còn bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, bí quyết thương mại, kiến thức hoặc các thông tin khác về hoặc phục vụ cho tiếp thị tài chính, kinh doanh của Các Bên.

16.2 Nghĩa Vụ Bảo Mật sẽ được loại trừ nếu Thông Tin Mật:

- Đã được phổ biến rộng rãi trong công chúng bởi bên sở hữu thông tin;
- Được một Bên tiết lộ, cung cấp cho nhân viên, chuyên gia tư vấn tài chính, pháp lý hoặc nhà thầu của Bên đó vì mục đích thực hiện các nghĩa vụ của Bên đó theo Hợp đồng này, với điều kiện là Bên đó phải chịu trách nhiệm và đảm bảo các đối tượng được tiết lộ Thông Tin Mật phải tuân thủ quy định bảo mật như nội dung của Mục 1 trên đây;
- Do một Bên nhận được từ một bên thứ ba độc lập với việc thực hiện Hợp đồng này mà không chịu bất kỳ nghĩa vụ bảo mật nào; hoặc
- Được yêu cầu tiết lộ bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc bất kỳ toà án có thẩm quyền xét xử thích hợp nào đối với Bên tiết lộ.

- 16.3 Các Bên đồng ý rằng bất cứ vi phạm nào đối với Nghĩa Vụ Bảo Mật thông tin này có thể gây ra những tổn hại không thể khôi phục được với Bên còn lại, theo đó Bên còn lại sẽ có quyền tìm kiếm các biện pháp để giảm nhẹ thiệt hại và buộc Bên vi phạm bồi thường toàn bộ thiệt hại là một khoản tiền không thấp hơn Giá trị Hợp đồng này.

ĐIỀU 17. QUY ĐỊNH VỀ CHỐNG THAM NHŨNG VÀ HỐI LỘ

17.1 Bên B cam kết và đảm bảo rằng giám đốc, nhân viên, người lao động, đại lý hoặc bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A sẽ không hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, giảm giá, trích thưởng, khoản tiền gây ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào (gọi chung là “Hối Lộ”), cho bất kỳ giám đốc, nhân viên, người lao động hoặc đại diện của Bên A (gọi chung là “Người Bên A”) hoặc thông qua bất kỳ bên thứ ba nào để Hối Lộ Người Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký hợp đồng với Bên A một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, và /hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác. Các hành vi Hối Lộ theo quy định tại điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này.

Trường hợp bất kỳ người nào thuộc Bên B nhận thấy bất cứ Người Bên A nào có biểu hiện, hành vi đòi Hối Lộ thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A.

17.2 Nếu Bên B vi phạm quy định tại điều này Bên A có quyền, tùy từng thời điểm xảy ra hoặc phát hiện ra hành vi Hối Lộ, áp dụng một hoặc đồng thời một số biện pháp sau:

- Hủy kết quả đánh giá lựa chọn Bên B trong trường hợp Bên B ký kết Hợp Đồng thông qua việc đấu thầu;
- Tùy vào mức độ nghiêm trọng của hành vi Hối Lộ và tùy quyết định của Bên A, phạt Bên B một khoản tiền bằng 150.000.000 VNĐ (một trăm năm mươi triệu đồng)/lần vi phạm và/hoặc chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào và Bên B phải bồi thường cho Bên A các khoản thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc chấm dứt Hợp Đồng này, hoàn trả cho Bên A các khoản tiền Bên A đã tạm ứng cho Bên B và chịu các chế tài phạt khác quy định tại Hợp Đồng khi Hợp Đồng bị chấm dứt do lỗi vi phạm của Bên B.
- Đưa Bên B vào danh sách các nhà thầu cần phải kiểm soát khi tham gia các gói thầu cung cấp dịch vụ / hàng hóa khác hoặc không được tham gia chào thầu hàng hóa / dịch vụ cho Bên A.
- Chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra nếu hành vi Hối Lộ có dấu hiệu vi phạm Bộ luật Hình Sự.

17.3 Miễn trừ: Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối Lộ của Bên B vi phạm pháp luật Việt nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

ĐIỀU 18. THÔNG BÁO

18.1. Bất kỳ thông báo nào được gửi theo quy định tại Hợp đồng này đều phải gửi bằng văn bản và phải được gửi tận tay hoặc được gửi qua đường bưu điện, điện tín, email hoặc fax chuyên tới đại diện theo ủy quyền hợp pháp của mỗi bên được chấp thuận

có thẩm quyền thực hiện hợp đồng này. Thông tin về đại diện theo ủy quyền hợp pháp của mỗi bên quy định trong Bảng các điều kiện chi tiết của Hợp đồng.

- 18.2. Bất kỳ thông báo nào được gửi bằng điện tín, email hoặc bằng fax đều phải được xác nhận bởi người gửi trong vòng hai (02) ngày sau khi gửi bằng hình thức thư đã đăng ký hoặc chuyển phát nhanh đặc biệt trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng phụ.
- 18.3. Trong trường hợp một trong hai bên thay đổi đại diện theo ủy quyền, việc thay thế đó phải được xác nhận trong vòng ba (03) ngày sau khi thông báo được gửi đi bằng thư đảm bảo, đường bưu điện hoặc chuyển phát nhanh đặc biệt, trừ khi có quy định khác tại Hợp đồng, với điều kiện là giấy ủy quyền hợp lệ phải được đính kèm với xác nhận đó về việc thay thế đó có hiệu lực.
- 18.4. Mỗi Bên có thể thay đổi địa chỉ chi tiết bằng cách thông báo cho Bên kia theo quy định tại đây và việc thay đổi đó sẽ có hiệu lực từ khi Bên còn lại nhận được thông báo.

